

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Duyên
Giảng viên hướng dẫn: ThS Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VẬT LIỆU
ĐIỆN HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Duyên
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Duyên

Mã SV: 1013401106

Lớp: QTL 402K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần

Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

- Lý luận chung về Vốn bằng tiền và tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

- Tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

- Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:

Sử dụng số liệu năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....
.....
.....
.....
.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	2
1. Tổng quan về Vốn bằng tiền.	2
1.1. Khái niệm và đặc điểm của Vốn bằng tiền.	2
1.1.1 Khái niệm Vốn bằng tiền.	2
1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền.	2
1.2. Sự cần thiết và vai trò của vốn bằng tiền.	2
1.2.1. Vai trò của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.	2
1.2.2. Sự cần thiết của Vốn bằng tiền trong sản xuất kinh doanh.	3
1.3. Kết cấu của Vốn bằng tiền.	3
1.4. Phân loại Vốn bằng tiền	3
1.5. Vai trò của kế toán Vốn bằng tiền.	4
1.6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.	4
2. Hạch toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.	5
2.1. Những nguyên tắc hạch toán Vốn bằng tiền.	5
2.2. Những quy định phải tôn trọng khi hạch toán vốn bằng tiền.	5
2.3. Các chứng từ sổ sách sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền.	6
2.3.1 Các chứng từ sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền.	6
2.3.2 Các sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền.	6
2.4 Kế toán tiền mặt.	7
2.4.1 Kế toán chi tiết tiền mặt.	7
2.4.2 Kế toán tổng hợp tiền mặt	17
2.5 Kế toán tiền gửi Ngân hàng.	21
2.5.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng.	21
2.5.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng.	25
2.6. Kế toán tiền đang chuyển.	30
2.7 Tổ chức hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp	33

CHƯƠNG II KHÁI QUÁT CHUNG VÀ THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG.....	38
1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Hóa chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.	38
1.1 Giới thiệu chung về doanh nghiệp	38
1.2 Tình trạng hiện nay:	39
1.3 Đặc điểm kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	40
1.3.1 Nhiệm vụ chức năng của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	40
1.3.2 Ngành nghề phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:.....	40
1.3.4 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng	41
1.2.5 Đặc điểm quy trình sản xuất của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng:.....	42
1.4 Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	43
1.4.1 Sơ đồ bộ máy quản lý.....	43
1.4.2 Chức năng và nhiệm vụ các phòng ban	43
1.5. Đặc điểm, tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.	45
1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán:	45
1.5.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán.....	46
1.5.3. Tổ chức hệ thống kế toán tại công ty.	47
2. Tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	50
2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	50
2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải	

Phòng.....	53
2.1.2 Kế toán tổng hợp tiền mặt.....	60
2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	61
2.2.1 Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng tại công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	63
2.2.2 Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng tại công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	73
2.3 Kế toán tiền đang chuyển tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	74
CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG.	75
1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	75
2. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền.	76
2.1 Ưu điểm:.....	76
2.2 Hạn Chế.....	78
3. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	79
3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện:.....	79
3.2 Mục đích và yêu cầu hoàn thiện.....	79
3.3 Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.....	80
KẾT LUẬN	85

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là một phần hết sức quan trọng trong doanh nghiệp. Vốn bằng tiền có sức thanh khoản cao nhất nó dễ dàng phục vụ cho các mục đích thanh toán tức thời trong quan hệ thanh toán. Vốn bằng tiền còn quyết định một phần sự tồn tại của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Công tác hạch toán vốn bằng tiền cho ta thấy được số vốn bằng tiền hiện có của doanh nghiệp, tình hình biến động tăng giảm các loại vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Giúp cho nhà quản trị cũng như nhà quản lý của đơn vị dễ dàng đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn, có các biện pháp sử dụng vốn phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sử dụng vốn để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài viết khóa luận tốt nghiệp là: “Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng”.

Ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận bài khóa luận của em gồm ba chương:
Chương I: Lý luận chung về Vốn bằng tiền và tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương II: Tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu và viết khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán của công ty cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn ***Ths: Lê Thị Nam Phương***. Tuy nhiên do kiến thức thực tế còn hạn chế, thời gian thực tập còn ngắn nên bài khóa luận của em còn rất nhiều thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các cán bộ phòng kế toán của công ty cũng như các thầy cô trong khoa để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày 02 tháng 04 năm 2012

Sinh viên

Bùi Thị Duyên

CHƯƠNG I:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1. Tổng quan về Vốn bằng tiền.

1.1. Khái niệm và đặc điểm của Vốn bằng tiền.

1.1.1 Khái niệm Vốn bằng tiền.

Trong nền kinh tế hiện nay, khi đề cập tới tiền tệ người ta không còn nhìn nó một cách hạn hẹp và đơn giản rằng tiền tệ chỉ là kim loại hay tiền giấy mà người ta xem xét tiền tệ ở một góc độ rộng hơn là cả các loại séc, sử dụng tiền gửi, thanh toán bằng thẻ tín dụng... nếu chúng có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền (có khả năng thanh khoản cao) đều được coi là tiền.

Vốn bằng tiền là bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm: Tiền mặt (TK11), Tiền gửi ngân hàng (TK112) và Tiền đang chuyển (TK 113). Với tính linh hoạt cao nhất - Vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc thanh toán cho mua bán hay trang trải chi phí hoạt động. Mỗi loại Vốn bằng tiền được sử dụng vào mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại, nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu chi và đảm bảo an toàn cho từng loại, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích.

1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền.

- Vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao nhất.
- Vốn bằng tiền là một loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí.

1.2. Sự cần thiết và vai trò của vốn bằng tiền.

1.2.1. Vai trò của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh Vốn bằng tiền của doanh nghiệp vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hay thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và nguyên nhân chính gây kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó Vốn bằng tiền

đóng một vai trò hết sức quan trọng và to lớn trong việc đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

1.2.2. Sự cần thiết của Vốn bằng tiền trong sản xuất kinh doanh.

Đối với bất kì doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết phải cần một lượng Vốn bằng tiền nhất định. Nhờ có Vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó doanh nghiệp cần phải quản lý Vốn bằng tiền một cách thường xuyên và chặt chẽ.

1.3. Kết cấu của Vốn bằng tiền.

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhóm tài khoản 11- Vốn bằng tiền gồm 3 tài khoản:

- TK 111 - Tiền mặt
- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
- TK 113 - Tiền đang chuyển

1.4. Phân loại Vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp được phân loại theo các cách tiếp cận sau:

- Theo hình thức tồn tại Vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:
 - Tiền Việt Nam.
 - Ngoại tệ.
 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.
- Theo trạng thái tồn tại, Vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:
 - Tiền tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang lưu giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Tiền gửi Ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi trong tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.
 - Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành

chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.5. Vai trò của kế toán Vốn bằng tiền.

Công tác tổ chức kế toán Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán trong doanh nghiệp, nó sẽ cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

Song song với việc tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, chúng ta cần phải chú trọng việc quản lý Vốn bằng tiền một cách chặt chẽ thường xuyên kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền vì đây là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp, Vốn bằng tiền là đối tượng có nhiều khả năng phát sinh nhiều rủi ro hơn các loại tài sản khác.

Việc quản lý Vốn bằng tiền được sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như: Thống kê, phân tích hoạt động kinh tế... Trong đó công tác kế toán là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự thay đổi của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về thu chi Vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại Vốn bằng tiền.
- Giám đốc việc thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.
- Phản ánh kịp thời các khoản tiền đang chuyển để tránh thất thoát.
- Thực hiện kịp thời công tác lập Báo Cáo lưu chuyển tiền tệ theo yêu cầu theo quản lý.

2. Hạch toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

2.1. Những nguyên tắc hạch toán Vốn bằng tiền.

- Tôn trọng nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa hai nhiệm vụ giữ tiền lập chứng từ, ghi sổ kế toán tiền mặt.

- Ghi thu, chi tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng phải có chứng từ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hợp lý, hợp pháp.

- Chỉ dùng tiền mặt cho nghiệp vụ thu chi thường xuyên, tập trung quản lý tiền và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống Ngân hàng thương mại và kho bạc Nhà nước.

- Đối chiếu, điều chỉnh số dư tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng phải được thực hiện thường xuyên trong kỳ.

2.2. Những quy định phải tôn trọng khi hạch toán vốn bằng tiền.

1) Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào Ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ Tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có của các TK111, 112 hoặc TK1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK111, 112 hoặc TK 1112, 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước - xuất trước; Nhập sau - xuất trước; Giá thực tế đích danh (Như một loại hàng hoá đặc biệt).

Nhóm tài khoản Vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này

trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính (Nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh, kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản - giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các TK Vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

Ngoại tệ được kê toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán).

3) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản Vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

2.3. Các chứng từ sổ sách sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền.

2.3.1 Các chứng từ sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền.

- Phiếu thu, Phiếu chi.
- Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng.
- Giấy đề nghị thanh toán, Biên lai thu tiền.
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, Bảng kiểm kê quỹ.
- Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý)
Bảng kê chi tiền...

2.3.2 Các sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền.

- Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền.
- Nhật ký chứng từ, Bảng kê.
- Sổ quỹ
- Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp chi tiết.
- Sổ cái.

2.4 Kế toán tiền mặt.

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ liên quan tới thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

2.4.1 Kế toán chi tiết tiền mặt.**a) Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam****Nguyên tắc hạch toán**

1) Chỉ phản ánh vào TK111 “ Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (Không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK111 “ Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK113 “ Tiền đang chuyển”.

2) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại đơn vị được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

3) Khi tiền hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có Phiếu thu, Phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quỹ định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

4) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

Các chứng từ sổ sách sử dụng.

1) Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (Hoặc người được ủy quyền) và kế toán trưởng. trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu - chi.

2) Phiếu thu (hoặc Phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (Đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và kí tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (Riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu lại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “ đã thu” hoặc “ đã chi” và ký vào Phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

3) Trường hợp Phiếu thu, Phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài cần phải được đóng dấu của đơn vị. Phiếu thu, Phiếu chi được đóng thành từng quyển dùng trong một năm. Trong mỗi Phiếu thu (Phiếu chi), số của từng Phiếu thu (Phiếu chi) phải được đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

4) Ngoài Phiếu thu và Phiếu chi là căn cứ để hạch toán vào TK111 còn cần có các chứng từ gốc liên quan khác kèm vào Phiếu thu, Phiếu chi như: Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, Hóa đơn bán hàng, Biên lai thu tiền...

5) Kế toán tiền mặt sau khi nhận được Phiếu thu, Phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển tới phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt, tính ra số tồn quỹ vào cuối ngày.

6) “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07- DN tương tự Sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F “Tài khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK111- Tiền mặt.

7) Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn bao

gồm: Sổ nhật ký thu tiền, Sổ nhật ký chi tiền (Theo hình thức kế toán Nhật ký chung) hay các Bảng kê chi tiết, Sổ chi tiết các tài khoản liên quan...

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

(1) Thu tiền từ Việc bán hàng, cung cấp lao vụ, dịch vụ:

Nợ TK 111 (1111)

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

(2) Nhập quỹ tiền mặt từ hoạt động tài chính, hoạt động khác:

Nợ TK 111 (1111)

Có TK 515- Doanh thu từ hoạt động tài chính

Có TK 711- Doanh thu khác

Có TK 3331 Thuế GTGT phải nộp

(3) Thu nợ hoặc nhận tiền ứng trước của khách hàng nhập quỹ:

Nợ TK 111 (1111)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

(4) Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt:

Nợ TK 111 (1111)

Có TK112 (1121)

(5) Nhận tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn hoặc dài hạn nhập quỹ:

Nợ TK 111 (1111)

Có TK 338 (3386) – Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn

Có TK 344 - Nhận ký cược ký quỹ dài hạn

(6) Thu hồi tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn hoặc dài hạn nhập quỹ:

Nợ TK 111 (1111)

Có TK 144 - Ký quỹ ngắn hạn

Có TK 244 - Ký quỹ dài hạn.

(7) Thu hồi vốn đầu tư từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn nhập quỹ:

Nợ TK 111 (1111)

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Có TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 221 - Đầu tư vào công ty con

Có TK 222 - Góp vốn liên doanh

Có TK 288 - Đầu tư dài hạn khác

(8) Chi tiền mặt thanh toán mua sắm, đầu tư XDCB:

Nợ TK 152, 153 - Nguyên vật liệu, Công cụ dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 211, 213 - TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Nợ TK 241 - Chi phí đầu tư XDCB

Có TK 111 (1111)

(9) Các khoản chi phí hoạt động chi trực tiếp bằng tiền mặt:

Nợ TK 621 - Chi phí NVLTT

Nợ TK 627 - Chi phí SXC

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Nợ TK 641, 642 - Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Có TK 111 (1111)

(10) Chi tiền mặt để thanh toán các khoản nợ phải trả:

Nợ TK 311- Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Nợ TK 333 - Thuê và các khoản phải nộp nhà nước

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động

Nợ TK 341, 342 Vay và nợ dài hạn

Có TK 111 (1111)

(11) Chi tiền để ký cược, ký quỹ:

Nợ TK 144 - Ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Nợ TK 244 - Ký cược, ký quỹ dài hạn

Có TK 111 (1111)

(12) Chi tiền mặt hoàn trả các khoản nhận ký cược, ký quỹ:

Nợ TK 338 (3388)- Hoàn trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Nợ TK 344- Hoàn trả tiền nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

Có TK 111 (1111)

(13) Kiểm kê quỹ

Phát hiện thừa:

Nợ TK 111(1111)

Có TK 338 (3381)- Tài sản thừa chờ xử lý

Phát hiện thiếu:

Nợ TK 138 (1381) Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 111(1111)

b) Với tiền mặt là ngoại tệ.

Quy định chung:

1) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao định bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

2) Bên Có của TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán TK1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau , xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

3) Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra Đồng Việt Nam, Kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán).

4) Việc quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam phải tuân thủ những quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại Chi phí, Thu nhập, Vật tư, Hàng hóa, Tài sản cố định...dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kết cấu của TK 007- Ngoại tệ các loại.

Bên Nợ Ngoại tệ tăng trong kỳ

Bên Có Ngoại tệ giảm trong kỳ

Dư Nợ Ngoại tệ còn trong kì

i) Hạch toán thu với ngoại tệ.

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kê toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ra Đồng Việt Nam.

ii) Hạch toán chi với ngoại tệ.

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu có chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc TK635 “Chi phí hoạt động tài chính” (Nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

iii) Thời điểm cuối năm tài chính.

Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) (TK 4132) và hoạt động sản xuất kinh doanh (4131).

Kết cấu Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái

- Bên Nợ: + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của Vốn bằng tiền, Vật tư, Hàng hóa, Khoản phải thu có gốc ngoại tệ.
+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản Nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
+ Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái
- Bên Có: + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của Vốn bằng tiền, Vật tư, Hàng hóa, khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ.
+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
+ Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- Dư Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần được xử lý.
- Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

- (1) Doanh thu bán hàng chịu phải thu bằng ngoại tệ:
Nợ TK 131 – Theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ phải thu
Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Có TK 3331 Thuế GTGT phải nộp
- (2) Khách hàng trả nợ bằng ngoại tệ:
Nợ TK 111(1112) Theo tỷ giá thực tế tại thời điểm thu nợ
Có TK 131 – Theo tỷ giá ghi nhận nợ
Có TK 515 (hoặc Nợ TK 635) – Chênh lệch tỷ giá thực tế khi thu được nợ lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) tỷ giá lúc ghi nhận nợ
- (3) Doanh thu bán hàng thu bằng ngoại tệ:
Nợ TK 111(1112) – Theo tỷ giá thực tế
Có TK 511- Doanh thu bán hàng (theo tỷ giá thực tế)
Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp
- (4) Mua sắm vật tư, hàng hóa TSCĐ phải chi bằng ngoại tệ:
Nợ TK 151- Hàng mua đang đi đường (theo tỷ giá thực tế lúc phát sinh)

Nợ TK 152- Nguyên vật liệu (theo tỷ giá thực tế lúc phát sinh)

Nợ TK 153- Công cụ dụng cụ (theo tỷ giá thực tế lúc phát sinh)

Nợ TK 156- Hàng hóa (theo tỷ giá thực tế lúc phát sinh)

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình (theo tỷ giá thực tế lúc phát sinh)

Nợ TK 213- TSCĐ vô hình (theo tỷ giá lúc phát sinh)

Có TK 111(1112) Tỷ giá xuất ngoại tệ

Có TK 515(hoặc 635) – Chênh lệch lãi (lỗ) tỷ giá hối đoái

(5) Các khoản chi phí phát sinh bằng ngoại tệ:

Nợ TK 627- Chi phí SXC

Nợ TK 641, 642- Chi phí bán hàng, chi phí QLDN

Nợ TK 635- Chi phí tài chính

Nợ TK 811- Chi phí khác

(tất cả đều ghi nhận theo TGTT lúc phát sinh nghiệp vụ)

Có TK 111(1112) theo tỷ giá xuất ngoại tệ

Có TK 515 (hoặc TK 635) chênh lệch lãi (lỗ) tỷ giá hối đoái.

(6) Phản ánh khoản nợ phải trả theo TGTT lúc phát sinh nghiệp vụ:

Nợ TK 151,152,153,156

Nợ TK 211,213,241

Nợ TK 627,641,642

Có TK 331 (theo TGTT tại thời điểm ghi nhận nợ phải trả)

(7) Chi ngoại tệ trả nợ người bán

Nợ TK 331 (Theo tỷ giá ghi nhận nợ)

Có TK 111(1112) (Tỷ giá xuất ngoại tệ)

Có TK 515 (hoặc TK 635) chênh lệch lãi (lỗ) tỷ giá hối đoái.

(8) Cuối kì, Kế toán căn cứ vào tỷ giá thực tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm cuối kì để đánh giá lại số dư ngoại tệ của của tài khoản vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả.

i) Nếu tỷ giá thực tế bình quân liên Ngân hàng lớn hơn tỷ giá đã ghi nhận trên sổ kế toán thì khoản chênh lệch được Kế toán phản ánh như sau:

Chênh lệch tăng vốn bằng ngoại tệ

Nợ TK 1112, 1122, 131

Có TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tăng nợ phải trả

Nợ TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 311, 315, 331, 341, 342

ii) Nếu tỷ giá thực tế bình quân liên Ngân hàng nhỏ hơn tỷ giá đã ghi sổ trên sổ kế toán thì khoản chênh lệch được kế toán phản ánh như sau:

Chênh lệch giảm vốn bằng ngoại tệ

Nợ TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 1112, 1122, 131...

Chênh lệch giảm nợ phải trả bằng ngoại tệ

Nợ TK 311, 315, 331, 341, 342

Có TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

c) Đối với tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Nguyên tắc ghi nhận

Đối với vàng, bạc, kim khí quý đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

Khi có các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới các tài sản này thì phản ánh vào TK111(3). Do Vàng, Bạc, Kim khí quý, Đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp giá đơn vị bình quân; nhập trước, xuất trước; nhập sau xuất trước; hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng, bạc, kim khí quý, đá quý lại có đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng

để tính giá vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất dùng là chính xác nhất.

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

(1) Mua vàng, bạc, đá quý nhập quỹ

Nợ TK 111 (1113) – Giá mua thực tế ghi trên hóa đơn.

Có TK 111, 112, 331

(2) Nhận ký quỹ ký cược bằng vàng, bạc, đá quý.

Nợ TK 111 (1113) Giá thực tế nhập quỹ

Có TK 388 (3388) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 344 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

(3) Khách hàng trả nợ bằng vàng, bạc, đá quý.

Nợ TK 111 (1113) – Giá thực tế lúc thanh toán

Có TK 131 – Giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải thu

Có TK 515 (hoặc Nợ TK 635) chênh lệch tỷ giá tăng

(giảm) do giá thực tế tăng (giảm).

(4) Hoàn trả tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn

Nợ TK 338 (3388)

Nợ TK 344

Có TK 111 (1113) Theo giá thực tế lúc nhận ký cược, ký

quỹ.

(5) Xuất vàng, bạc, đá quý mang ký cược, ký quỹ:

Nợ TK 144- Ký cược ký quỹ ngắn hạn.

Nợ TK 244- Ký cược ký quỹ dài hạn.

Có TK 111 (1113) Tỷ giá thực tế lúc xuất vàng, bạc, đá quý.

(6) Xuất vàng, bạc, đá quý để thanh toán nợ cho người bán:

Nợ TK 331 – Theo Giá thực tế lúc ghi nhận nợ.

Có TK 111(1113) Tỷ giá xuất vàng, bạc, đá quý thực tế.

Có TK 515(hoặc TK 635) Chênh lệch tỷ giá tăng (giảm) do giá thực tế tăng (giảm).

2.4.2 Kế toán tổng hợp tiền mặt

a) Quy định chung

- Hạch toán tiền mặt sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Chỉ phản ánh vào TK111 “ Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt.

- Những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới các tài sản này thì phản ánh vào TK111(3). Do Vàng, Bạc, Kim khí quý, Đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp giá đơn vị bình quân; nhập trước, xuất trước; nhập sau xuất trước; hay phương pháp đặc điểm riêng. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả thì được hạch toán như ngoại tệ.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng:

Kế toán tổng hợp tiền mặt sử dụng các chứng từ để hạch toán như: Phiếu thu, Phiếu chi, Lệnh chi, Hợp đồng, Bảng kê, Nhật ký, Sổ cái.

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu chi Kế toán sẽ lập Phiếu thu (Phiếu chi) trình cho Giám đốc, Kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho Thủ quỹ thu (chi) tiền, sau đó kế toán phân hành Vốn bằng tiền sẽ tiến hành định khoản và cập nhật số liệu vào Sổ quỹ tiền mặt, Sổ cái và các Sổ liên quan khác. Cuối kỳ Kế toán đối chiếu số liệu để lên Bảng cân đối và các Báo cáo kế toán khác.

c) Tài khoản sử dụng:

Đề hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK111 “ Tiền mặt” kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ)

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỷ giá giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111- Tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Đồng Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm, tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- TK1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

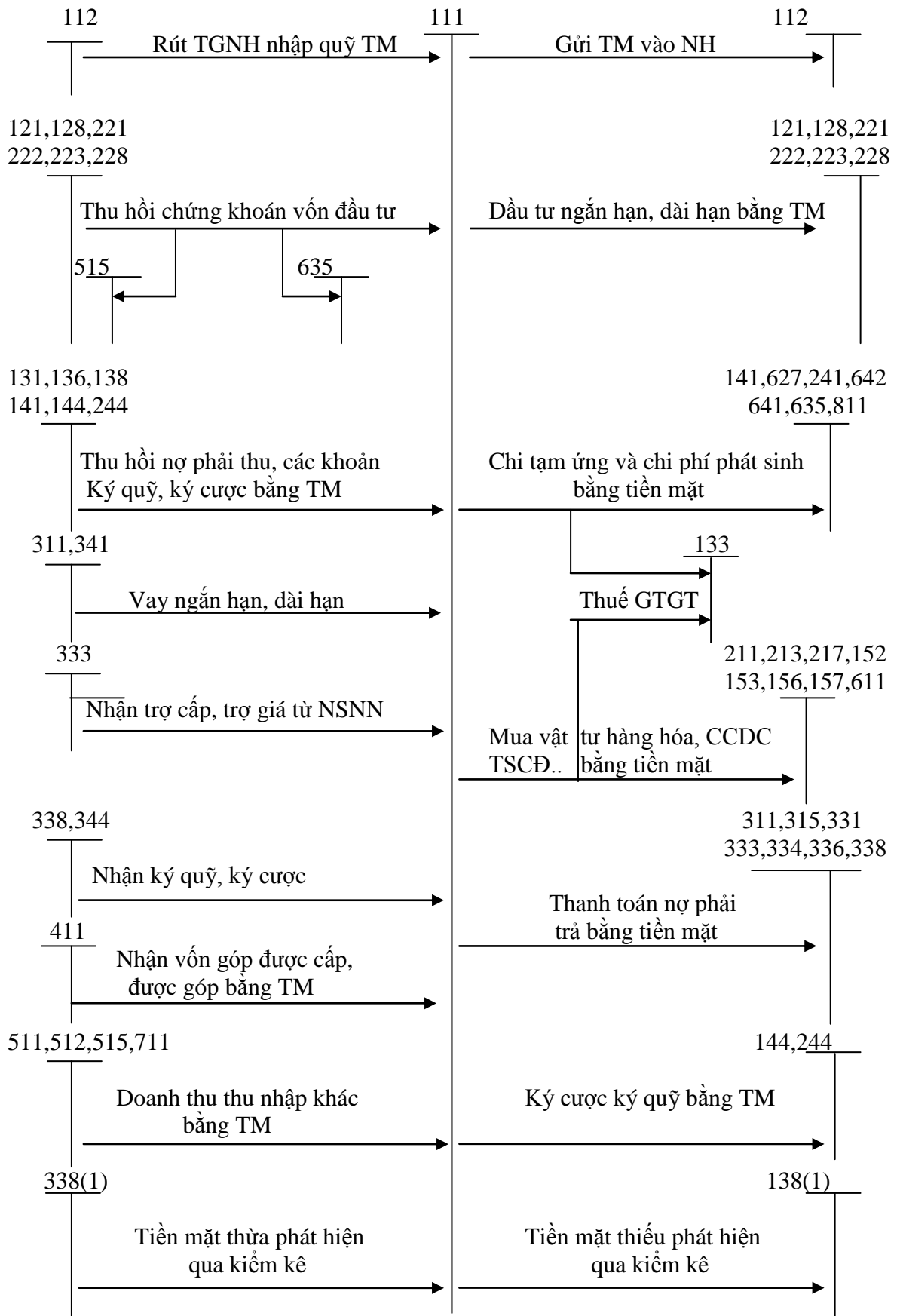
d) Sơ đồ kế toán:

+) *Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam:*

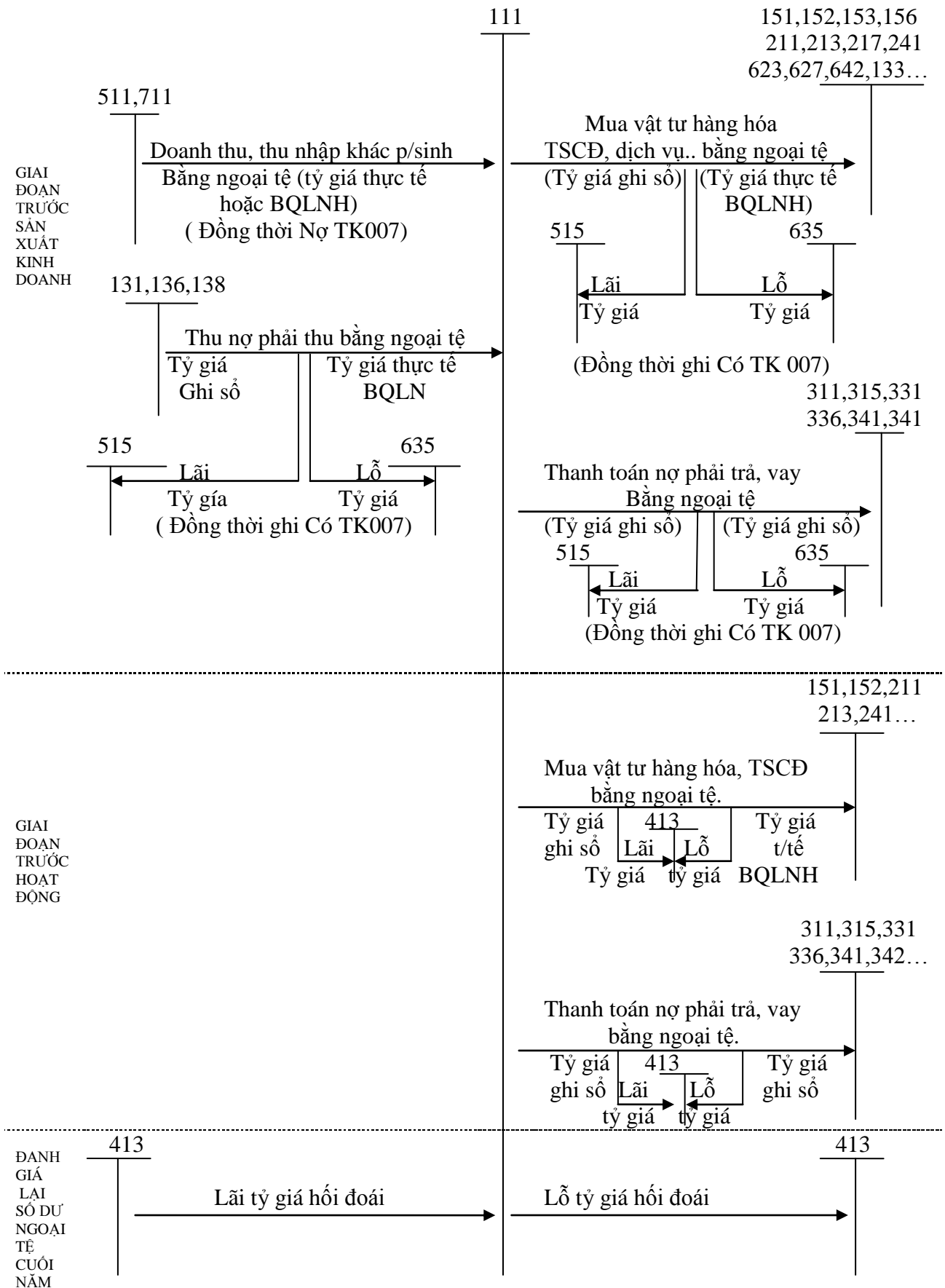
Kế toán tổng hợp thu, chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 01: Kế toán tiền mặt VNĐ) .

+) *Kế toán tổng hợp thu, chi tiền mặt bằng ngoại tệ.*

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ thể hiện qua sơ đồ 02:



Sơ đồ 01a: Kế toán Tiền mặt - VNĐ



Sơ đồ 01b: Kế toán tiền mặt – Ngoại tệ

2.5 Kế toán tiền gửi Ngân hàng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào Tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, Séc bảo chi, Séc định mức, Séc chuyển tiền, thư tín dụng. Doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

2.5.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng.**a) Đối với tiền gửi Ngân hàng là Đồng Việt Nam.****+) Nguyên tắc hạch toán trên TK112- Tiền gửi Ngân hàng (TGNH).**

1) Căn cứ để hạch toán trên TK112 “ Tiền gửi Ngân hàng là các Giấy báo có, Giấy báo nợ hoặc Bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, Séc chuyển khoản. Séc bảo chi,..).

2) Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, Kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có chênh lệch giữa số liệu trên Sổ kế toán của đơn vị, số liệu trên chứng từ gốc của đơn vị với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng biết để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì Kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên Giấy báo nợ, Giấy báo có hoặc Bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) phản ánh vào bên Nợ TK 138 “ Phải thu khác” (Khi số liệu của Kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “ Phải trả, phải nộp khác” (Nếu số liệu của Kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3) Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch thanh toán. Kế toán phải mở Sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, Ngoại tệ các loại).

4) Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

+) Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Giấy báo có, Giấy báo nợ, Bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyên tiền, Séc định mức, Séc bảo chi, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi.
- Sổ tiền gửi Ngân hàng, Sổ chi tiết thanh toán với người mua người bán bằng VNĐ (S31-DN), Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng, Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng...

+) Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

(1) Xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng, căn cứ Giấy báo có:

Nợ TK 112(1121,1122)

Có TK 111 (1111,1112)

(2) Nhận Giấy báo có về số tiền đang chuyển vào tài khoản:

Nợ TK 112 (1121, 1122)

Có TK 113 (1131, 1132)

(3) Nhận Giấy báo có về khoản tiền do khách hàng trả nợ:

Nợ TK 112 (1121, 1122)

Có TK 131

(4) Thu hồi lại tiền ký quỹ ký cược:

Nợ TK 112 (1121, 1122)

Có TK 144 – Ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

Có TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn.

(5) Nhận vốn góp liên doanh, tiền phát hành cổ phiếu:

Nợ TK 112 (1121, 1122)

Có TK 411 – Vốn kinh doanh.

(6) Doanh thu thu nhập khác bằng chuyển khoản:

Nợ TK 112 (1121, 1122)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Doanh thu hoạt động khác.

(7) Nhận lãi tiền gửi (định kỳ) theo phiếu tính lãi và Giấy báo có:

Nợ TK 112 (1121, 1122)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

(8) Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt:

Nợ TK 111

Có TK 112

(9) Trả tiền mua sắm tài sản, phục vụ hoạt động:

Nợ TK 151,152,153,156,211,213,241

Nợ TK 627,641,642

Có TK 112

(10) Chuyển tiền gửi để đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn:

Nợ TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Nợ TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác.

Nợ TK 221 – Đầu tư vào công ty con.

Nợ TK 222 – Góp vốn liên doanh.

Nợ TK 228 – Đầu tư dài hạn khác

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

(11) Chuyển tiền gửi Ngân hàng để thanh toán các khoản nợ:

Nợ TK 311 – Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 – Phải trả người bán.

Nợ TK 333 – Thuế GTGT và các khoản phải nộp NSNN.

Nợ TK 341, 342 – Vay và nợ dài hạn.

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.

(12) Chuyển tiền gửi Ngân hàng để ký cược, ký quỹ:

Nợ TK 144 – Ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

Nợ TK 244 – Ký cược ký quỹ dài hạn.

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.

(13) Khi có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán với số liệu trên giấy báo hoặc bản sao kê của Ngân hàng đến cuối tháng vẫn chưa tìm ra nguyên nhân thì Kế toán sẽ ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng khoản chênh lệch sẽ được phản ánh vào phần tài sản thừa (thiếu chờ giải quyết).

i) Số liệu trên sổ Kế toán < số liệu của Ngân hàng:

Nợ TK 138 (1381) – Tài sản thiếu chờ xử lý.

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng.

ii) Số liệu trên sổ kế toán > số liệu của Ngân hàng:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 338 (3381) – Tài sản thừa chờ xử lý.

Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số đã ghi sổ.

b) Đối với tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ.

Nguyên tắc hạch toán:

1) Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả. Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước - xuất trước; Nhập sau - xuất trước; Giá thực tế đích danh.

2) Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK515

“Doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK635 “Chi phí hoạt động tài chính” (nếu lỗ tỷ giá).

3) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK413 “chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ. Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ Kế toán mở Sổ chi tiết TK007.

4) Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động) vào TK4132 và của hoạt động SXKD vào TK4131.

Sổ sách sử dụng:

Sổ tiền gửi Ngân hàng, Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng ngoại tệ (S32-DN), Sổ chi tiết theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33-DN).

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

Các nghiệp vụ liên quan tới ngoại tệ vàng, bạc, đá quý được phản ánh tương tự như đối với tiền mặt (Thay 1112 thành 1122).

2.5.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng.

Quy định chung:

1) Căn cứ để hạch toán trên TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các Giấy báo nợ, Giấy báo có hoặc Bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, Séc chuyên khoản, Séc bảo chi..) Bảng kê, Nhật ký, Sổ cái.

2) Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới tiền gửi ngoại tệ nếu có

phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính” (hoặc Nợ TK 635 “ Chi phí tài chính”) khi lãi (hoặc Lỗ) tỷ giá hối đoái.

3) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan tới tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 (4132) “ Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

4) Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) vào TK 413 (4132) và của hoạt động sản xuất kinh doanh TK 413 (4131).

Chứng từ sổ sách sử dụng:

1) Giấy báo nợ, Giấy báo có, Bản sao kê, Lệnh chuyển có, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi...

2) Các bảng kê, Nhật ký chứng từ, Sổ cái, Sổ sách tổng hợp có liên quan.

Tài khoản sử dụng :

Hạch toán tiền gửi Ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này được thực hiện như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền VNĐ, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào NH;

- Số tiền VNĐ, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý chênh lệch tăng so với Ngân hàng;

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối

với tiền gửi là ngoại tệ)

Bên Có:

- Các khoản tiền VNĐ, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ NH;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý chênh lệch giảm so với Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kì (đối với tiền gửi là ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền gửi VNĐ, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn gửi tại Ngân hàng;

Tài khoản 112- Tiền gửi có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình gửi vào, rút ra và hiện còn Đồng Việt Nam gửi tại Ngân hàng.
- TK1122 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình gửi vào, rút ra, tăng, giảm, tỷ giá và tiền gửi hiện còn ngoại tệ gửi tại Ngân hàng theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- TK1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra, hiện còn gửi tại Ngân hàng.

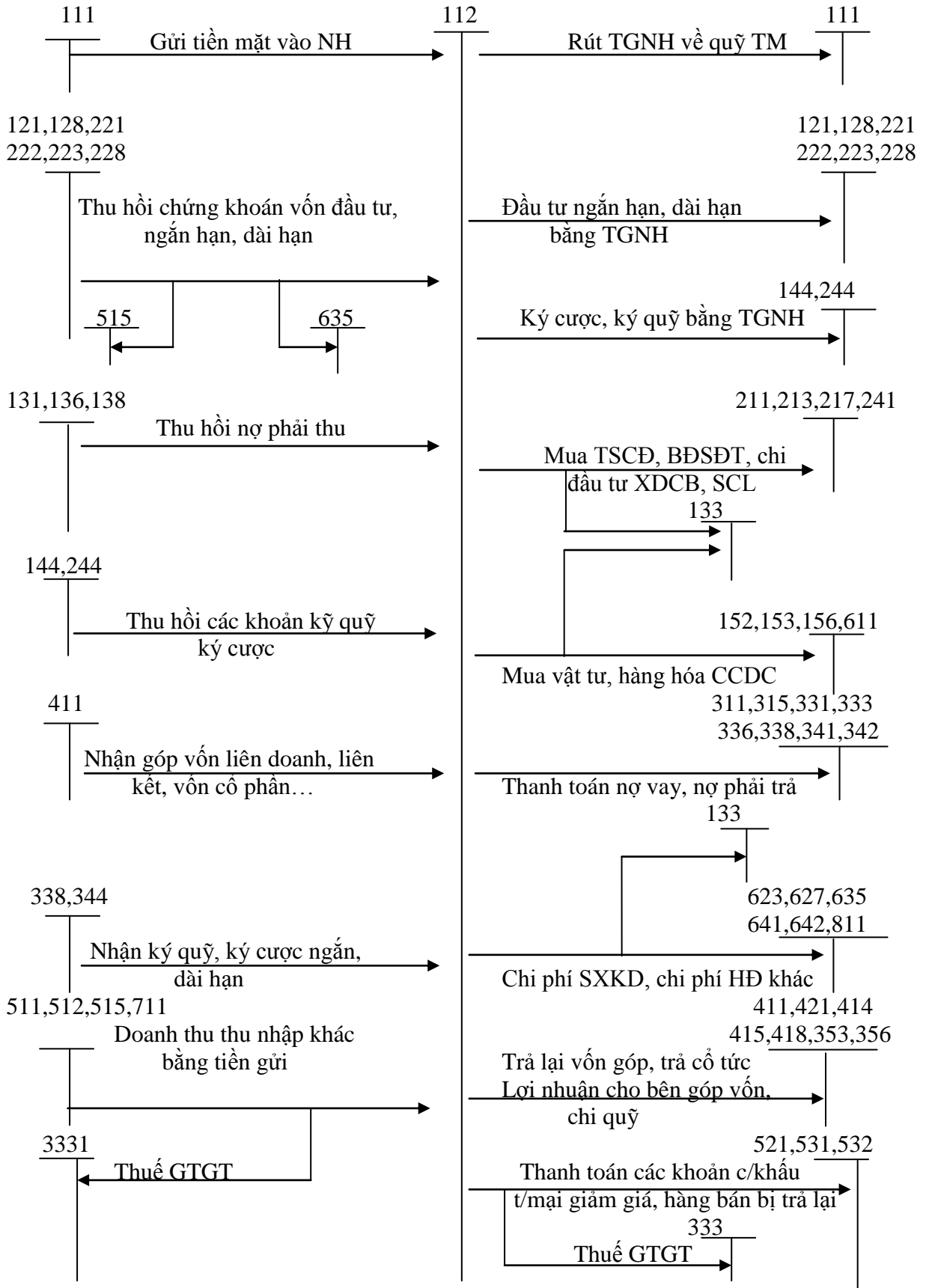
Sơ đồ hạch toán:

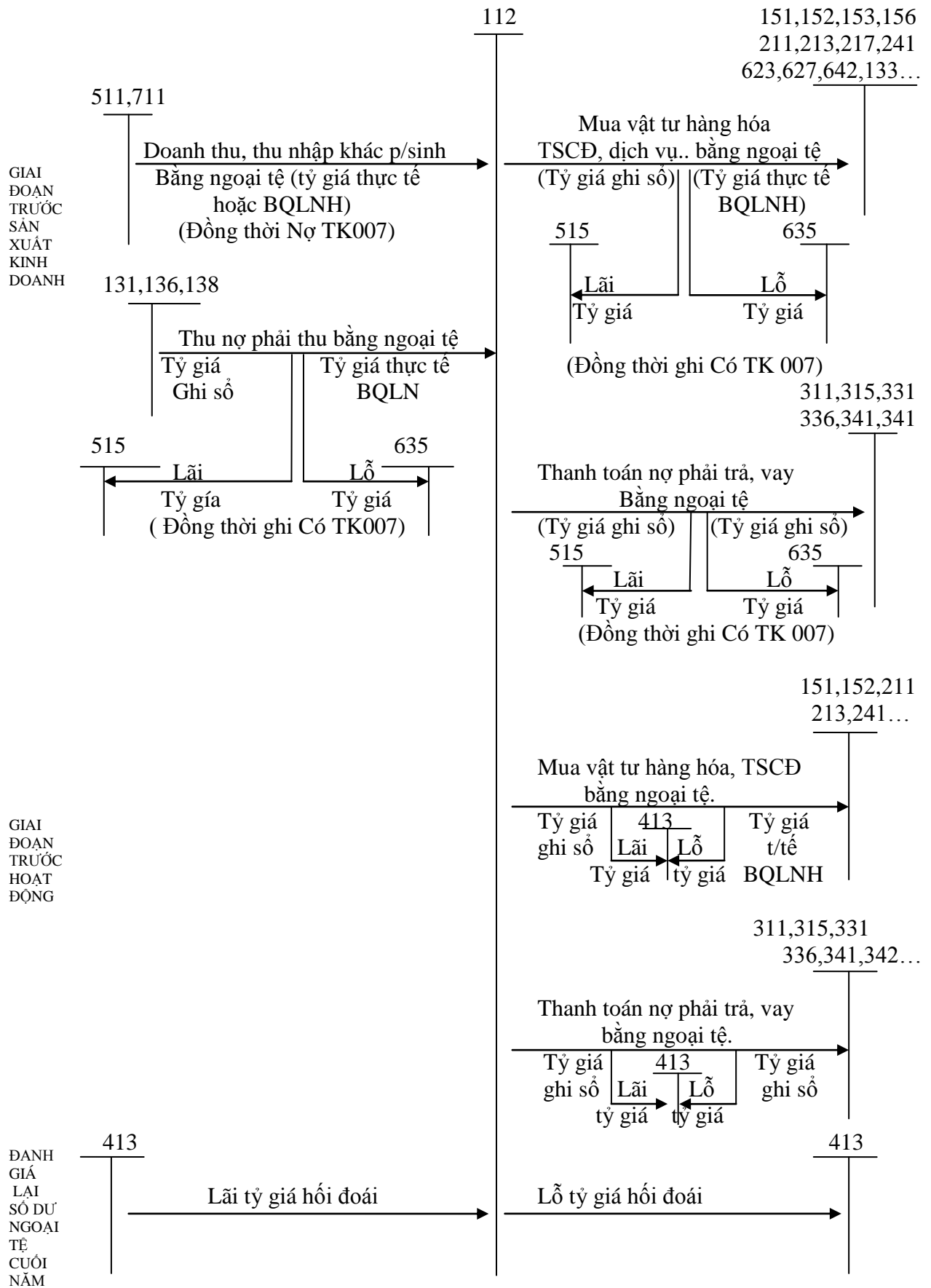
+) *Kế toán tổng hợp thu chi tiền gửi bằng tiền Việt Nam:*

Kế toán tổng hợp tiền gửi bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 02a) .

+) *Kế toán tổng hợp thu, chi tiền gửi bằng ngoại tệ:*

Kế toán tổng tiền gửi bằng ngoại tệ thể hiện qua sơ đồ (Sơ đồ 02b).





Sơ đồ 02b: Kế toán tiền gửi Ngân hàng – Ngoại tệ

2.6. Kế toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển thường bao gồm các khoản tiền doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng kho bạc nhưng chưa nhận được Giấy báo có, hoặc đã làm thủ tục chuyển tiền thanh toán cho khách hàng nhưng chưa có Giấy báo của đơn vị được thụ hưởng.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, Giấy nộp tiền, Biên lai thu tiền, Phiếu chuyển tiền...
- Các chứng từ khác kèm theo như: Séc các loại, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi..

Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK 113 “ Tiền đang chuyển”. Nội dung kết cấu tài khoản này được thể hiện như sau:

- Bên Nợ:
- Các khoản tiền mặt hoặc Séc bằng tiền Việt Nam, ngoài tề đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo có;
 - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tề tiền đang chuyển cuối kì;
- Bên Có:
- Số kết chuyển vào TK 111,112 hoặc TK Có liên quan;
 - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tề tiền đang chuyển cuối kỳ;
- Số dư bên Nợ:
- Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ;

Kế toán tổng hợp sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyển để phản ánh tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2 là :

TK 1131(VNĐ) và TK 1132 (Ngoại tề).

Một số nghiệp vụ kế toán chủ yếu:

- (1) Thu tiền bán hàng hoặc thu nợ của khách hàng bằng tiền mặt hoặc Séc nộp thẳng vào Ngân hàng, kho bạc không qua nhập quỹ, cuối kỳ chưa nhận được Giấy báo có của Ngân hàng, Kho bạc:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

- (2) Xuất quỹ TM gửi vào NH, nhưng tới cuối kỳ chưa nhận được Giấy báo có của NH.

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển

Có TK 111 – Tiền mặt

- (3) Làm thủ tục chuyển tiền qua Ngân hàng, bưu điện để thanh toán nhưng tới cuối kỳ vẫn chưa nhận được giấy báo của đơn vị thụ hưởng:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển

Có TK 111,112

- (4) Nhận được Giấy báo có của khoản tiền đang chuyển kỳ trước:

Nợ TK 112

Có TK 113

- (5) Nhận được Giấy báo về khoản nợ đã được thanh toán:

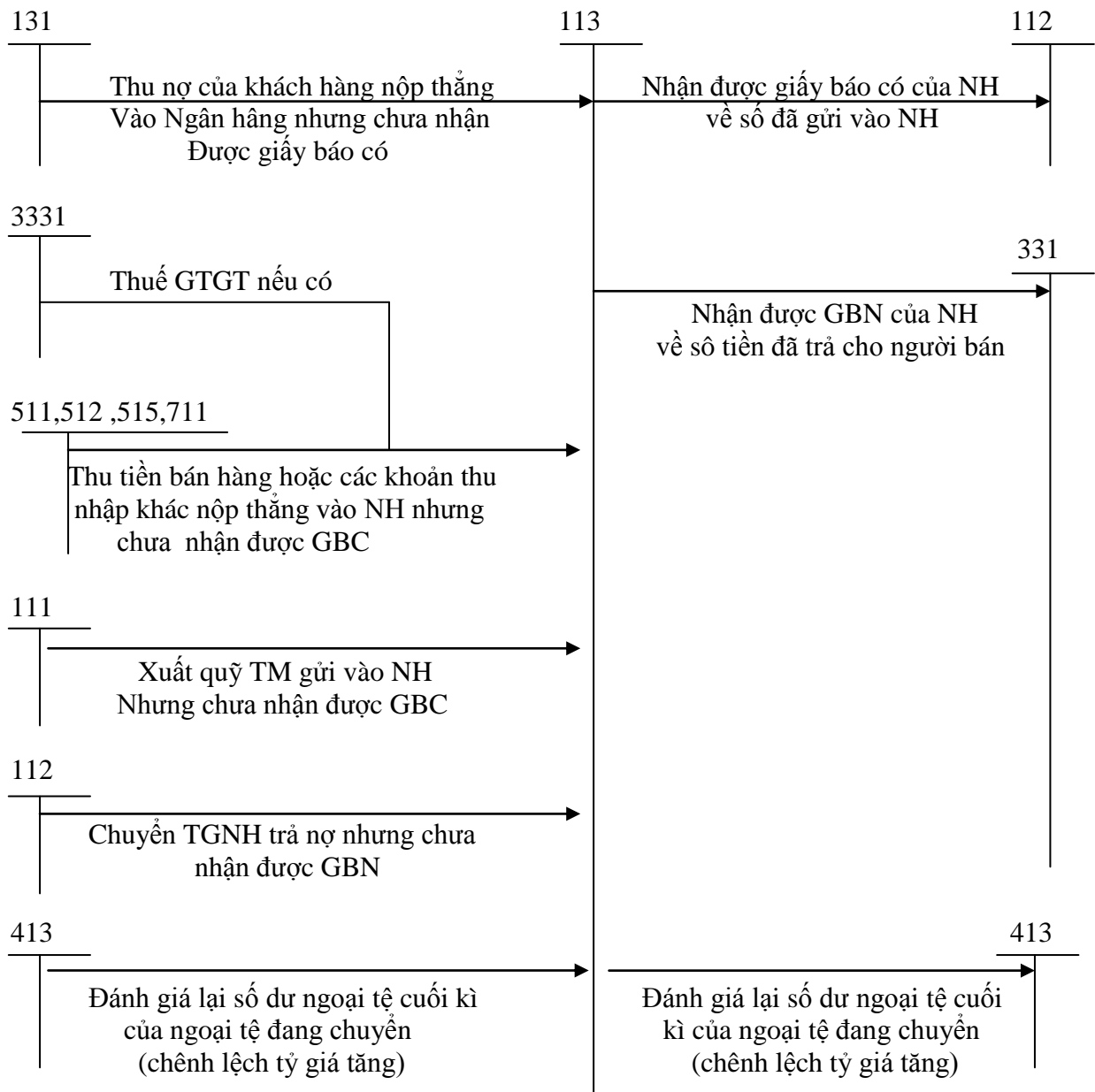
Nợ TK 331

Có TK 113

Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ được phản ánh tương tự như tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng (thay thành TK 1132).

Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển:

Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 03)



Sơ đồ 03: kế toán tiền đang chuyển

2.7 Tổ chức hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp

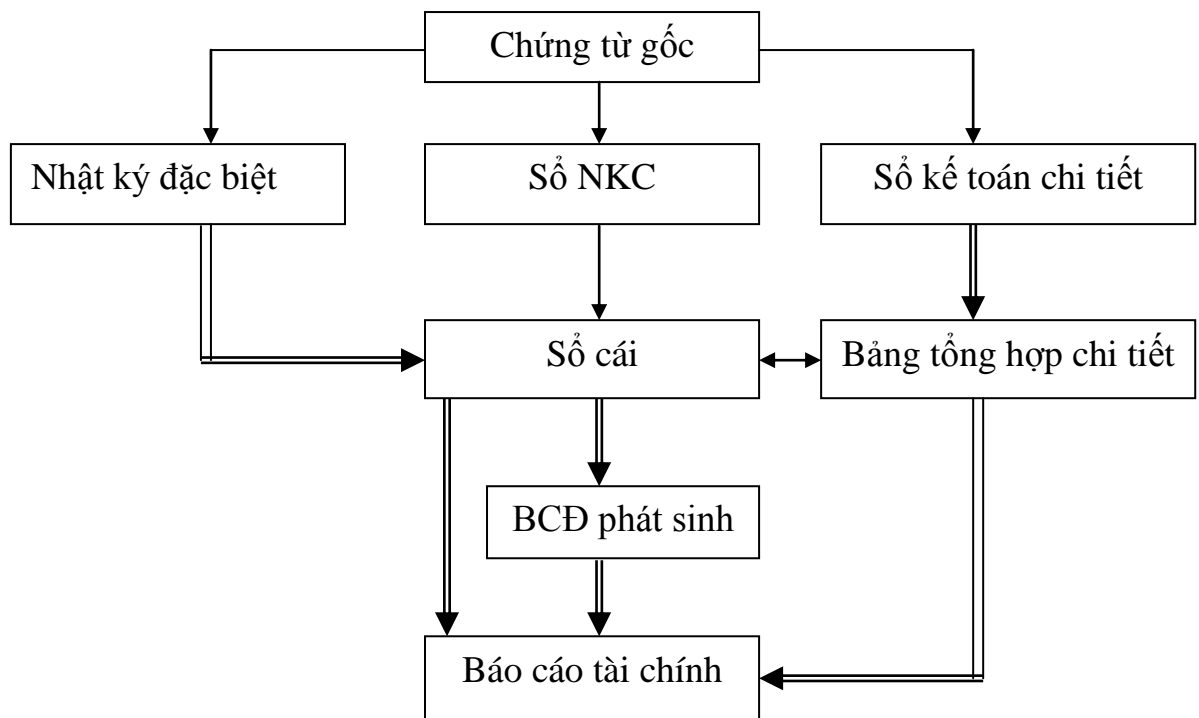
Để đáp ứng yêu cầu công tác kế toán tài chính cũng như việc phục vụ cho kế toán quản trị, mỗi doanh nghiệp đều phải nghiên cứu, thiết kế sổ kế toán, thiết kế sổ kế toán chi tiết sao cho phù hợp với đặc điểm, tình hình quản lý của doanh nghiệp.

Theo chế độ kế toán hiện hành có những hình thức kế toán tổng hợp như sau:

- **Hình thức nhật ký chung (NKC)**

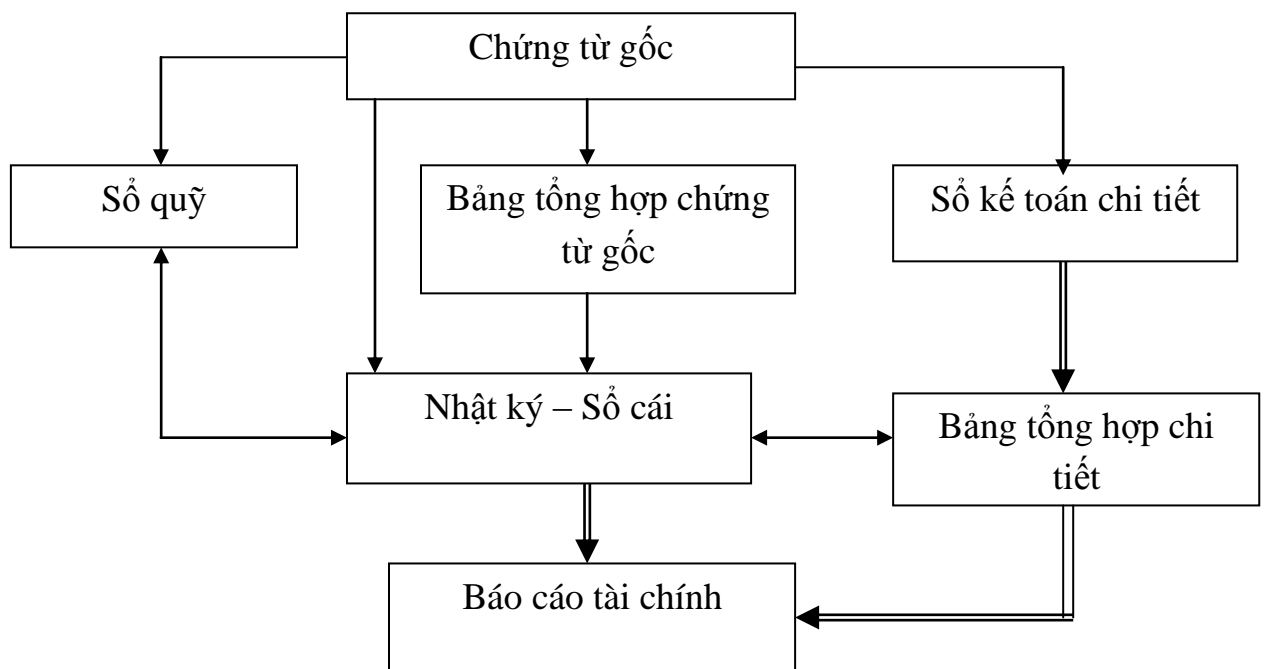
Theo hình thức này thì tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trong đó trọng tâm là sổ nhật ký chung (NKC) theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ phát sinh đó. Sau đó lấy số liệu từ NKC ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ04: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung



- Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức này các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được tập hợp, ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (Theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ NKSC. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

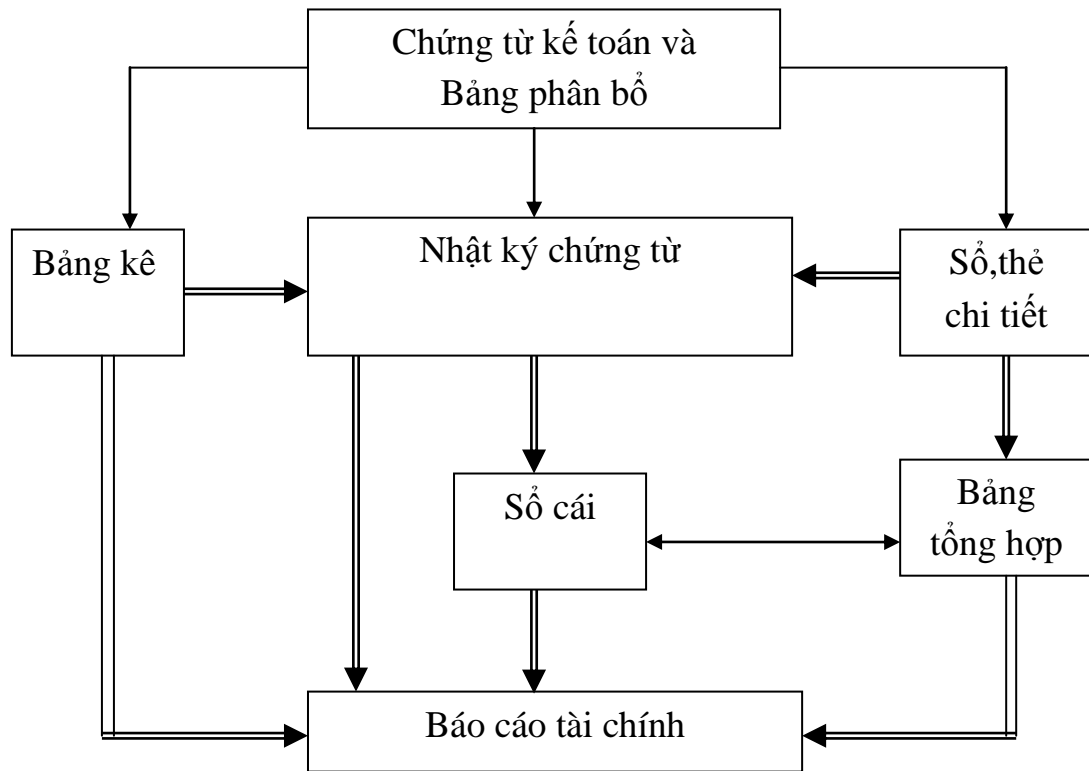


Sơ đồ 05: -Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký sổ cái

- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng
 - =====< Ghi kiểm tra, đối chiếu

- Hình thức Nhật ký chứng từ

Hình thức Nhật ký – Chứng từ là hình thức tổ chức sổ kế toán dùng để tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo bên nợ của tài khoản đối ứng.



Sơ đồ 06: -Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký-chứng từ.

- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng
 - =====> Kiểm tra, đối chiếu

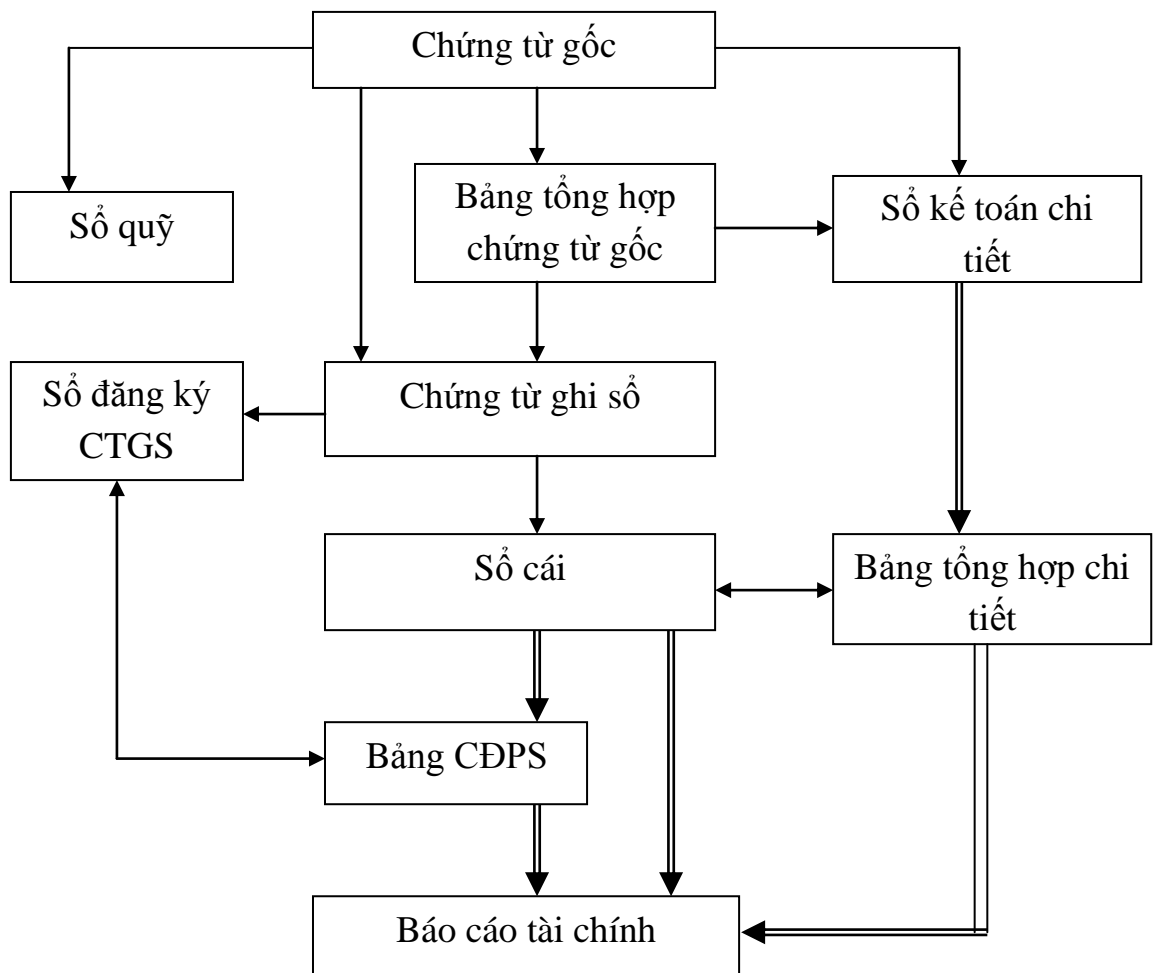
- **Hình thức chứng từ ghi sổ**

Đây là hình thức kế toán kết hợp ghi sổ kế toán kết hợp ghi sổ theo thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với nội dung theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 07: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức CTGS



- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

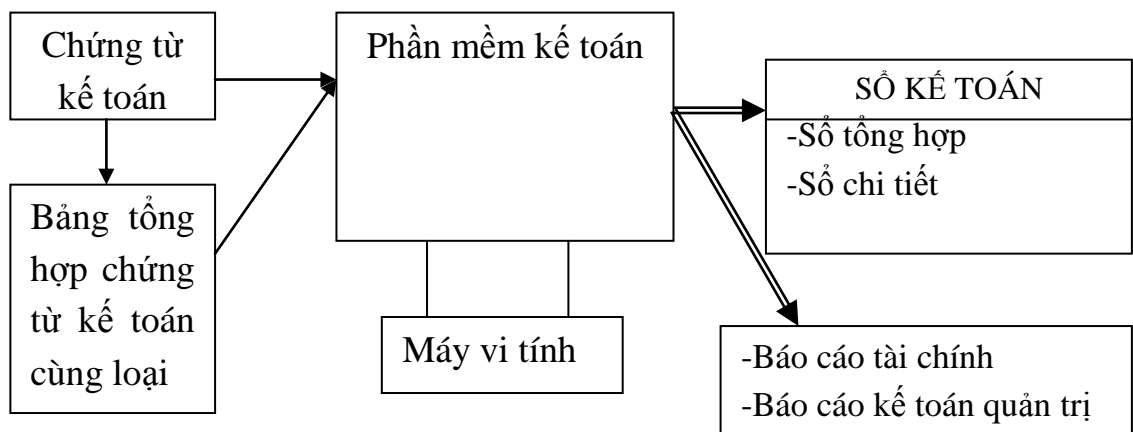
Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 08: trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



CHƯƠNG II

KHÁI QUÁT CHUNG VÀ THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Hóa chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

1.1 Giới thiệu chung về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa theo nghị định 64-2002ND - CP của Chính phủ và quyết định số 65/QĐ - TM của Bộ Thương Mại nay là bộ Công Thương được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp, được Quốc hội Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/1999 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2000.

Công ty đã có thời gian hoạt động trên 30 năm (từ 06/06/1972) là doanh nghiệp nhà nước, đã đóng góp nhiều vật tư, hàng hóa cho cuộc chiến tranh chống Mỹ, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Công ty đã tạo được mối quan hệ bạn hàng ở trong và ngoài nước, có uy tín với các tổ chức tín dụng, có tiềm năng về cơ sở vật chất, có đội ngũ cán bộ công nhân được đào tạo và có nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Hóa chất Vật liệu điện Hải Phòng.

Tên giao dịch đối ngoại: Hai Phong Chemical and Electric Joint Stock Company.

Tên giao dịch đối ngoại viết tắt: Cemaco Hai Phong.

Đăng ký giao dịch tại:

+Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương chi nhánh Hải Phòng.

Số TK:00310000004162

+Ngân hàng Eximbank chi nhánh Hải Phòng.

Số TK:160314851002630

Trụ sở chính công ty đặt tại:Số 20 Lê Quýnh - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Trụ sở chi nhánh đặt tại Hà Nội

1.2 Tình trạng hiện nay:

Ngày 02/03/2004, Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng được tiến hành thành công tốt đẹp và kể từ ngày 22/03/2004 công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng đi vào hoạt động theo luật doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp. Đây là bước ngoặt quan trọng trong quá trình hoạt động của công ty từ ngày thành lập qua bao biến đổi cơ cấu về tổ chức. Đến nay, Công ty đã chấm dứt mấy chục năm là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo cơ chế bao cấp chuyển hẳn sang công ty cổ phần với chủ sở hữu là vốn tư nhân (vốn điều lệ là do cổ đông đóng góp) hoạt động theo luật doanh nghiệp, tự thân vận động theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước.

Vốn điều lệ của công ty cổ phần là: **12.000.000.000**, đồng.

Tại quy định số 1253/2003/QĐBTM ngày 06/10/2003 của bộ trưởng Bộ Thương Mại công nhận.

- ✓ Giá trị doanh nghiệp 51.272.119.483 đồng. Trong đó phần vốn Nhà nước là: **7.497.989.132**, đồng.
- ✓ Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông:
 - Nhà nước nắm giữ 28,97% vốn điều lệ, trị giá: **3.476.489.132**, đồng
 - Cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp là 71,03% vốn điều lệ, trị giá: **8.523.510.868**, đồng

Trong đó: Cổ phiếu ưu đãi là: **4.019.500.000**, đồng

Cổ phiếu phổ thông là: **4.572.300.000**, đồng

Tổng số cổ phiếu là: 120.000 (Cổ phiếu).

Cổ phiếu ưu đãi là: 40.195 (Cổ phiếu).

Bảng 01 –Bảng thống kê thành viên sáng lập và số vốn

Đơn vị:triệu đồng

ST T	Họ và tên	Độ tuổi	Giới tính	Chức danh công việc	Trình độ	Tổng số vốn góp
1	Trần Huy Hoàng	55	Nam	CTHDQTKiểm TGD	Đại học	7.000
2	Phan Văn Chiu	54	Nam	Phó GD	Đại học	1.500
3	Phạm Quý Bốn	48	Nam	GD XN	Đại học	1.000
4	Đình Phương	55	Nam	GD CN	Đại học	1.000
5	Trần Thị Huyền	52	Nữ	Phó GD XN	Đại học	500
6	Nguyễn Văn Trường	54	Nam	Kế toán trưởng	Đại học	600
7	Phạm Thị Hoa	50	Nữ	Nhân viên	Đại học	200
8	Cù Thị Thanh	40	Nữ	Nhân viên	Đại học	100
9	Đoàn Văn Thạch	30	Nam	Công nhân	Trung cấp	50
10	Nguyễn Văn Viên	35	Nam	Công nhân	Trung cấp	50
Tổng						12.000

(Trích từ phương án cổ phần từ công ty)

1.3 Đặc điểm kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

1.3.1 Nhiệm vụ chức năng của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

Nhiệm vụ của Công ty là phải phát triển Công ty ngày càng một lớn mạnh, tận dụng và khai thác mọi tiềm năng của công ty về con người, cơ sở vật chất kinh tế mở rộng đầu tư không ngừng nâng cao hiệu quả, lấy hiệu quả kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm tiến tới mở rộng ngành nghề cả trong lĩnh vực kinh doanh lẫn sản xuất để thu hút lao động tạo thế chuẩn bị vững chắc lâu dài

1.3.2 Ngành nghề phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh hóa chất vật liệu điện, dụng cụ cơ khí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng công nghiệp tiêu dùng.
- Kinh doanh phân bón, phương tiện vận tải.
- Kinh doanh gỗ, cao su, nông lâm sản đã qua chế biến.

- Kinh doanh xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Kinh doanh thuốc lá điếu, rượu bia và bánh kẹo.
- Kinh doanh Bất động sản.
- Kinh doanh ngành hàng kim khí.
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi.
- Sản xuất gia công giấy xuất khẩu.
- Kinh doanh thủy hải sản.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành.

1.3.4 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

- Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nhiều năm nay, công ty sản xuất hàng vàng mã xuất sang thị trường Đài Loan với tổng số lượng là: 28.500 tấn sản phẩm (bình quân hàng năm khoảng 5700 tấn/năm). Đảm bảo việc làm ổn định cho 250 lao động. Đây là cơ sở tồn tại vững bền cho phát triển công ty. Song để đảm bảo cho việc gia công giấy xuất khẩu ổn định công ty đã tiến hành đầu tư nhà máy sản xuất giấy để tại Hòa Bình sản lượng dự định là 3000 tấn/năm và tiếp tục nghiên cứu đầu tư tại Thanh Hóa trong các năm tới. Dần dần, mục tiêu là đủ nguyên liệu giấy để sản xuất không phụ thuộc như hiện nay.

- Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của công ty phần lớn là nhập khẩu các hóa chất cơ bản, nhựa nguyên sinh các loại để bán cho các đơn vị có nhu cầu trên thị trường trong nước. Bên cạnh đó, các đơn vị kinh doanh khai thác nguồn hàng nội địa đa dạng hóa mặt hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

Thông thường, hàng năm công ty nhập khẩu hàng hóa đạt kim ngạch khoảng 4 đến 6 triệu USD

- Đặc điểm hoạt động dịch vụ:

Với lợi thế có cảng Hải Phòng, tại công ty có cơ sở vật chất tương đối lớn nên hoạt động dịch vụ có nhiều thuận lợi. Hoạt động dịch vụ tập trung vào dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan và cho thuê kho bãi. Đây là hoạt động đem lại nguồn lợi nhuận tương đối ổn định hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh sản xuất mà không cần dùng vốn lưu động lớn.

Khởi dịch vụ của công ty hoạt động tương đối toàn diện và ổn định từ năm 2004 cho đến nay. Các dịch vụ lễ hành, vận tải, kho ngoại quan có mang lại lợi nhuận nhưng còn khiêm tốn chưa phát huy hết thế mạnh sẵn có. Riêng dịch vụ cho thuê bến bãi là có hiệu quả cao và sẽ rất ổn định do cơ sở vật chất được công ty đầu tư tốt.

Hoạt động nhập khẩu:

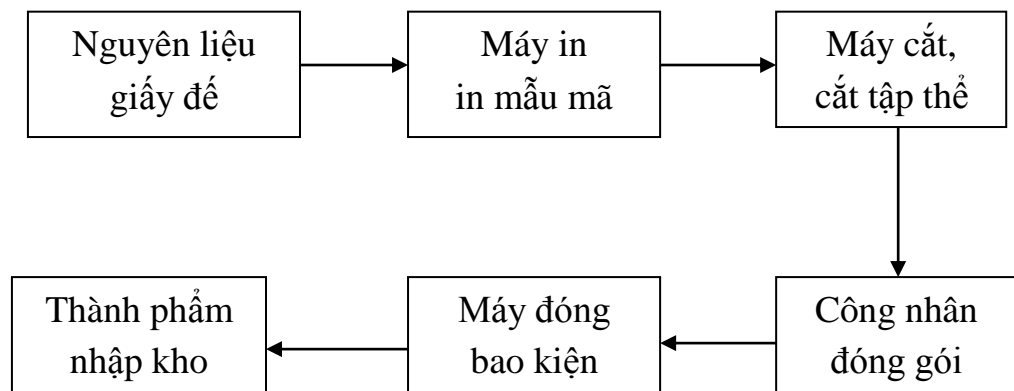
Hoạt động nhập khẩu trong 3 năm qua công ty đạt tổng kim ngạch là 44.521.000 USD

Trong đó:

- ✓ Kim ngạch xuất khẩu: 18.577.000 USD
- ✓ Kim ngạch nhập khẩu: 25.944.000 USD

Công tác nhập khẩu đảm bảo được hàng hóa đáp ứng cho mọi hoạt động kinh doanh nội địa. Công tác xuất khẩu năm 2007 và năm 2008 cũng giảm sút nhiều do biến động của thị trường Trung Quốc và Đài Loan.

1.2.5 Đặc điểm quy trình sản xuất của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng:



Sơ đồ 09: - Quy trình sản xuất gia công giấy vàng mã.

Nhà máy chọn mua nguyên liệu đúng chủng loại, hợp yêu cầu về nhập kho

công ty.

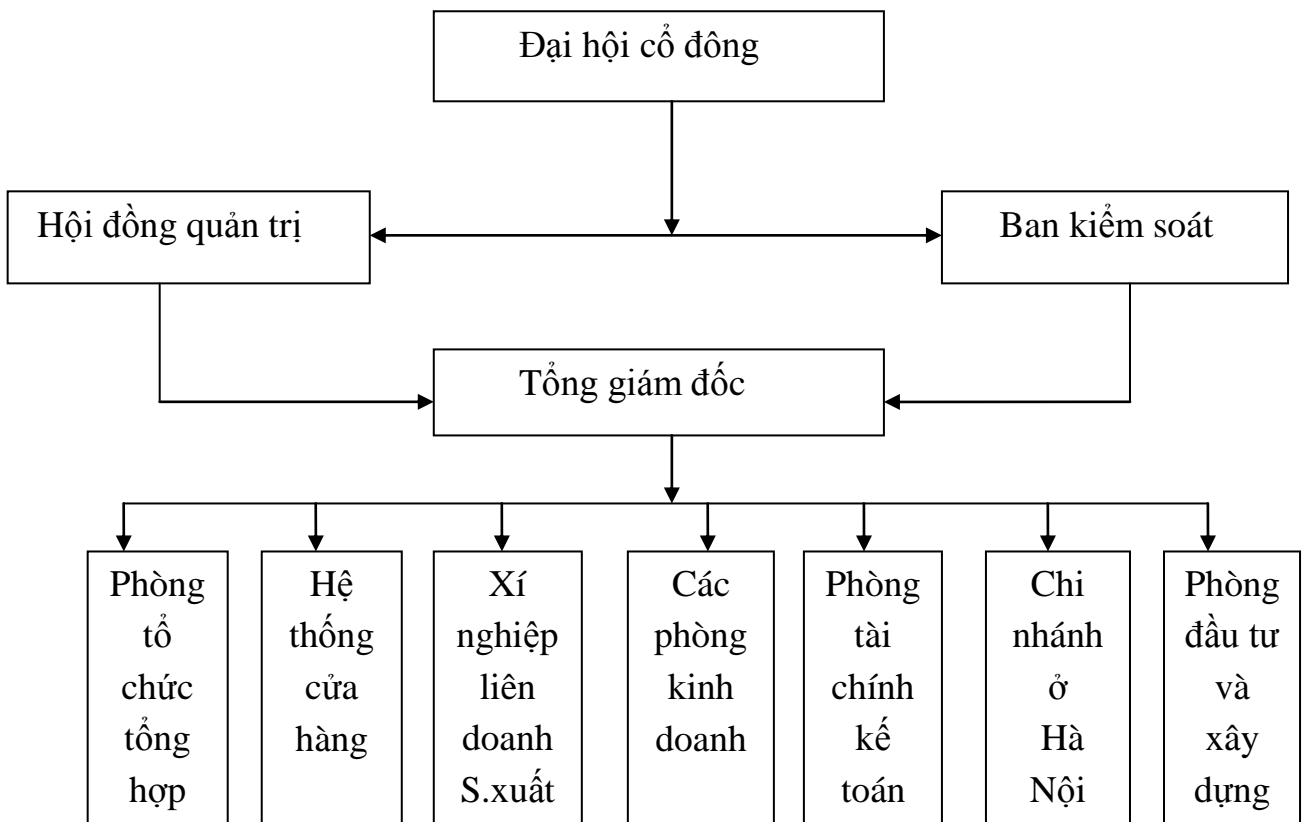
Thủ tục xuất kho cho công nhân đưa vào máy in để in mẫu mã chủng loại đúng theo yêu cầu của khách hàng.

Sau khi in xong, bộ phận in sẽ chuyển bán thành phẩm sang bộ phận cắt, cắt để và ra thành tập theo đúng kích cỡ mà khách hàng đặt.

Từ bộ phận đóng gói sẽ chuyển bán thành phẩm sang bộ phận bao kiện để hoàn thiện ra thành phẩm nhập kho và xuất khẩu sang thị trường tiêu thụ.

1.4 Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

1.4.1 Sơ đồ bộ máy quản lý.



Sơ đồ 10: -Tổ chức các hệ thống phòng ban của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

1.4.2 Chức năng và nhiệm vụ các phòng ban

- **Đại hội cổ đông:** Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông. Mọi hoạt động của công ty đều phải tuân theo điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và bổ sung hàng năm theo tình hình thực tế. Đại hội

đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, các phương án phân phối lợi nhuận. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị công ty giữa 2 kỳ đại hội, bầu ban kiểm soát để kiểm tra mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị của công ty Cổ phần hóa chất điện Hải Phòng có 3 thành viên do đại hội cổ đông bầu. Thành viên của hội đồng quản trị được trúng cử với đa số phiếu tính theo số giá trị cổ phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm thay mặt các cổ đông để quản lý công ty. Người đại diện là hội đồng quản trị được bầu ra từ các thành viên của hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có quyền quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty đồng thời có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm trước đại hội cổ đông về những vi phạm điều lệ công ty, sai theo luật doanh nghiệp gây thiệt hại cho công ty.

- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông bầu ra có quyền kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của tổng giám đốc theo mọi quyết định của trường ban kiểm soát.

Ban kiểm soát chịu mọi trách nhiệm trước đại Hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Ban kiểm soát bầu ra một thành viên làm trưởng ban kiểm soát.

Sau đại hội cổ đông thành lập, các kiểm soát viên bắt đầu việc kiểm soát quá trình khai và thành lập công ty cho đến khi đăng ký kinh doanh xong và đi vào hoạt động chính thức.

- **Tổng giám đốc công ty:** Tổng giám đốc công ty nắm quyền điều hành công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và luật doanh nghiệp.

Tổng giám đốc do hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch hàng ngày.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông về quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Tiền lương, phúc lợi, các phụ cấp của tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

- ***Phòng tổ chức-tổng hợp:*** Tham mưu cho tổng giám đốc trong lĩnh vực: Tổ chức, tiền lương nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng, và thực hiện chính sách đối với cán bộ - công nhân viên trong công ty.
- ***Phòng kế toán tài chính:*** Tham mưu cho tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán.
- ***Xí nghiệp liên doanh sản xuất giấy xuất khẩu:*** Sản xuất theo kế hoạch Công ty đề ra.
- ***Chi nhánh ở Hà Nội:*** Chi nhánh hoạt động chủ yếu về kinh doanh mua bán hạt nhựa và cao su nguyên sinh trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Được giao khoán hàng năm và hạch toán độc lập, hàng tháng gửi báo cáo về Công ty.

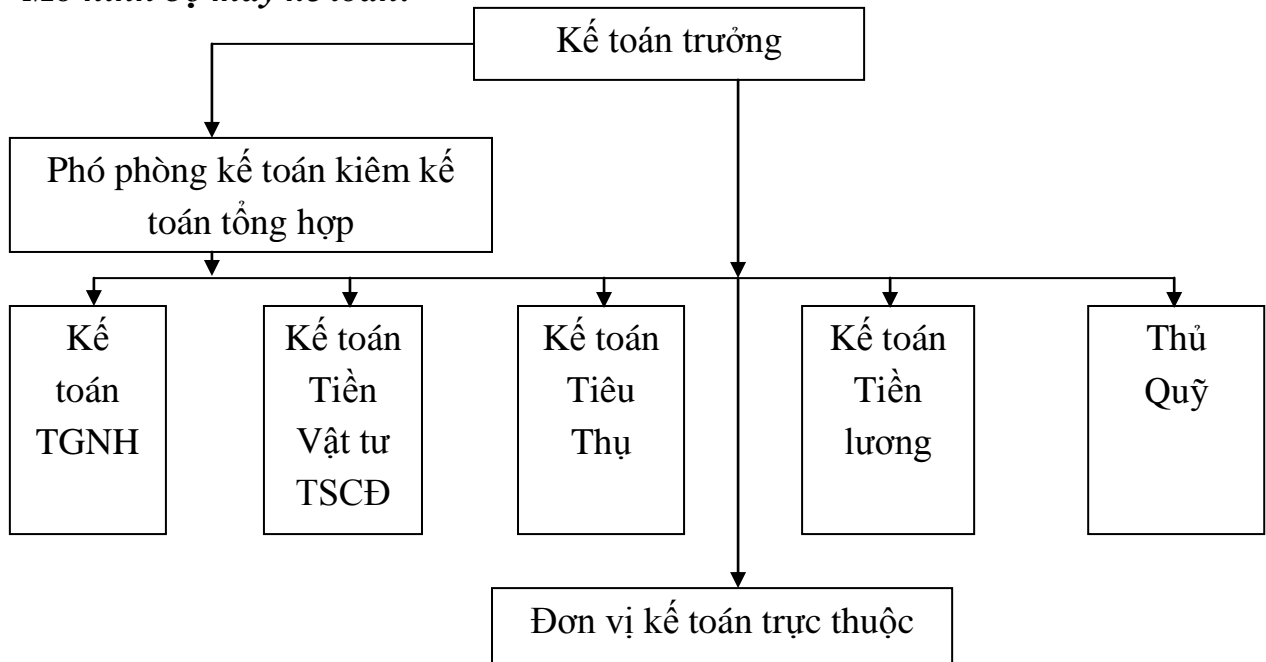
Các trung tâm và hệ thống cửa hàng được tổ chức gọn nhẹ đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ đứng đầu là trưởng các bộ phận chịu trách nhiệm tổ chức và đôn đốc các kế hoạch của ban giám đốc.

1.5. Đặc điểm, tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, bao gồm 8 người, mỗi người có 1 chức năng nhiệm vụ khác nhau, theo sơ đồ sau:

Mô hình bộ máy kế toán:



Sơ đồ 11: Mô hình bộ máy kế toán

1.5.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán

- **Kế toán trưởng:** Người chỉ đạo trực tiếp về công tác kế toán đối với bộ phận kế toán công ty, có nhiệm vụ phân công giao nhiệm vụ và kiểm tra chất lượng hoàn thành, chất lượng công việc của từng người trong phòng. Tham mưu cho giám đốc trong việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng kinh tế, chỉ đạo việc xây dựng kế toán tài chính, kế hoạch giá thành và chịu trách nhiệm về số liệu kế toán trước lãnh đạo cấp trên.

- **Phó phòng kế toán:** Phó phòng kế toán có quyền giải quyết các công việc của kế toán trưởng khi kế toán trưởng vắng mặt đồng thời chịu trách nhiệm tham mưu cho kế toán trưởng về công tác kế toán.

- **Kế toán tổng hợp :** Tập hợp các số liệu từ các phần hành kế toán khác để vào sổ cái, lên biểu mẫu báo cáo quyết toán và xác định kết quả tài chính. Theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tình hình tăng giảm nguồn vốn.

- **Kế toán tiền lương:** Tính lương, tính BHXH, BHYT, KPCĐ cho cán bộ công nhân viên, thanh toán lương cho các đối tượng có liên quan khác.

- **Kế toán tiền mặt, vật tư, tài sản cố định:** Theo dõi phản ánh thu - chi

tiền mặt, vật tư hàng hóa và tình hình tăng giảm TSCĐ tại công ty.

- **Kế toán tiền gửi ngân hàng:** Phản ánh theo dõi việc thu - chi Tiền gửi Ngân hàng tại công ty, theo dõi tình hình vay nợ ngân hàng.

- **Kế toán tiêu thụ:** Chịu trách nhiệm tính toán xác định kết quả sản xuất kinh doanh chính xác. Theo dõi chặt chẽ tình hình nợ phải thu khách hàng để kịp thời đôn đốc thu hồi nợ.

- **Thủ quỹ:** Theo dõi và đảm bảo tiền mặt ở công ty, phụ trách các khoản thu - chi tiền mặt theo chứng từ hợp lệ, theo dõi và phản ánh việc cấp phát và nhận tiền vào sổ quỹ. Thủ quỹ phải thường xuyên so sánh, đối chiếu tình hình tồn quỹ tiền mặt ở công ty với sổ sách có liên quan để kịp thời phát hiện những sai lệch.

- **Đơn vị trực thuộc kế toán :** Có bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập, cuối kỳ gửi báo cáo về phòng kế toán công ty để lập báo cáo chung cho toàn bộ Công ty.

1.5.3. Tổ chức hệ thống kế toán tại công ty.

1.5.3.1. Các chính sách kế toán chung.

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi có trách nhiệm bảo toàn và phát triển các nguồn vốn của Công ty. Trách nhiệm vật chất trong các mối quan hệ kinh tế cũng như quan hệ dân sự giới hạn ở mức vốn điều lệ.

1.5.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán.

Việc hạch toán kế toán tại công ty theo hình thức báo sổ. Các xí nghiệp sản xuất, khối cửa hàng, chi nhánh có một nhân viên kế toán tập hợp số liệu rồi chuyển về phòng kế toán công ty.

Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành, lập sổ sách báo hiệu theo đúng quy định.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính Tổng giám đốc phải hoàn thành các báo cáo và gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để chuẩn bị tiến hành họp cổ đông.

-Bảng cân đối kế toán của công ty

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cố định cuối năm

Các báo cáo này phải được gửi đến các thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít nhất trước 15 ngày của kỳ đại hội cổ đông thường niên.

Hội đồng quản trị và ban kiểm soát có trách nhiệm trình đại hội cổ đông các tài liệu về tài chính của công ty.

Sau đại hội cổ đông, các văn bản, biên bản đại hội và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng công ty theo luật định.

Sau đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải hoàn chỉnh báo cáo tài chính gửi đến các cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh để báo cáo .

1.5.3.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán:

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Một số tài khoản mà công ty đang sử dụng:

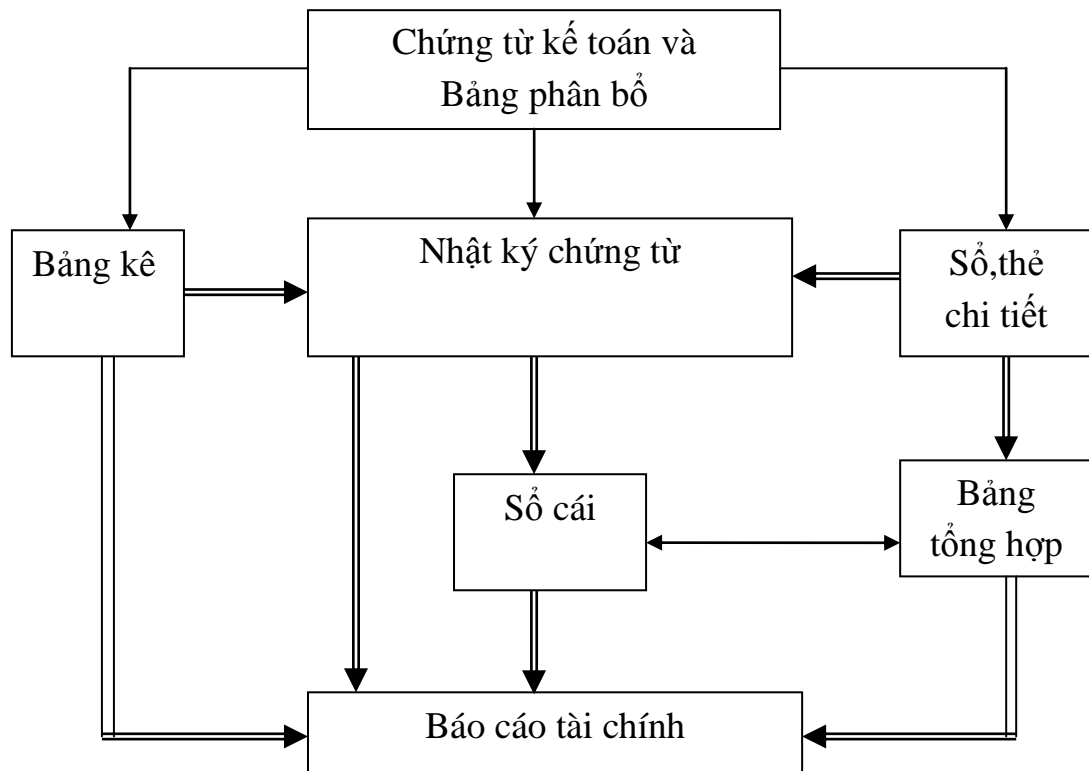
- Tài khoản nhóm 1: TK 111, TK 112, TK 131, TK 133, TK 136, TK 138, TK 139, TK 141, TK 152, TK 153, TK 154, TK 155, TK 156
- Tài khoản nhóm 2: TK 211, TK 213, TK 214, TK 221, TK 242
- Tài khoản nhóm 3: TK 311, TK 331, TK 333, TK 334, TK 335, TK 338, TK 341, TK 351
- Tài khoản nhóm 4: TK 411, TK 414, TK 419, TK 421, TK 431
- Tài khoản nhóm 5: TK 511, TK 515
- Tài khoản nhóm 6: TK 621, TK 622, TK 627, TK 632, TK 635, TK 641, TK 642
- Tài khoản nhóm 7: TK 711
- Tài khoản nhóm 8: TK 811

1.5.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán:

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, công ty áp dụng hệ

thống kê toán theo hình thức “Nhật ký - Chứng từ”

Quy trình hạch toán theo hình thức nhật ký chứng từ như sau:



Sơ đồ 12: -Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký - chứng từ.

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Kiểm tra, đối chiếu

Trình tự ghi sổ:

- (1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ hợp lệ để ghi vào các nhật ký chứng từ liên quan (hoặc các bảng sao kê, bảng phân bổ sau mới ghi vào nhật ký chứng từ).
- (2) Các chứng từ cần hạch toán chi tiết mà chưa thể phản ánh trong các nhật ký chứng từ, bảng kê thì được ghi vào các sổ kế toán chi tiết.
- (3) Các chứng từ thu, chi tiền mặt được ghi vào sổ quỹ, sau đó ghi vào các bản kê, nhật ký chứng từ liên quan.
- (4) Cuối tháng căn cứ số liệu từ các bảng phân bổ để ghi vào các bảng kê nhật ký chứng từ liên quan rồi từ các nhật ký chứng từ ghi vào sổ cái.

- (5) Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp số liệu chi tiết.
- (6) Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán có liên quan.
- (7) Tổng hợp số liệu báo cáo kế toán.

1.5.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:

Năm tài chính kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính kế toán đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.

Các loại báo cáo công ty phải nộp:

- Bảng cân đối kế toán của công ty
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cá nhân

Các báo cáo đã được lập phải được gửi đến các thành viên Hội Đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cục thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi Ngân hàng. Trong các Báo cáo Vốn bằng tiền, công ty sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là: Đồng Việt Nam để phục vụ cho công tác hạch toán, ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch có liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam để hạch toán và ghi chép kế toán.

2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Tiền mặt là số vốn bằng tiền được Thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của công ty. Công ty không phát sinh các khoản ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trong công tác hạch toán tiền mặt.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt của công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy

định về chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Thủ quỹ đảm nhận việc thu, chi tiền mặt tại quỹ của công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan tới tiền mặt, Kế toán tiền mặt tiến hành lập Phiếu thu, Phiếu chi. Phiếu thu, Phiếu chi được lập thành 3 liên ghi đầy đủ nội dung, có đầy đủ chữ ký của người thu, người nộp, người chi, người nhận, người cho phép nhập xuất quỹ, sau đó chuyển cho Kế toán trưởng duyệt (Riêng Phiếu chi phải có chữ ký duyệt của thủ trưởng đơn vị). Một liên lưu lại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho Thủ quỹ để tiến hành thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập quỹ (hoặc xuất quỹ) tiền mặt Thủ quỹ phải đóng dấu “ đã thu” hoặc “ đã chi” và ký tên, giữ lại một liên để ghi Sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc người nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho Kế toán phân hành ghi sổ.

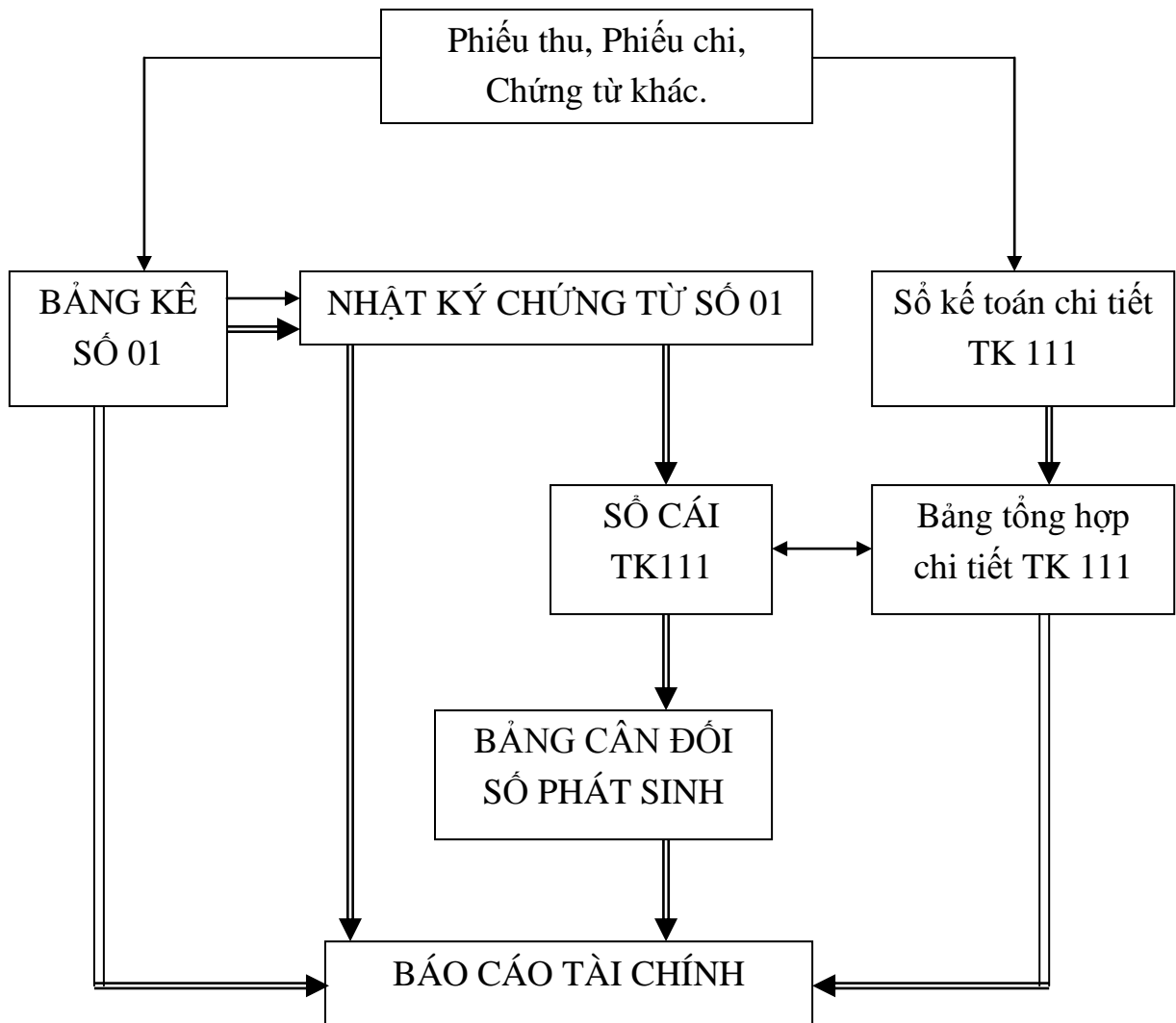
Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt” Tài khoản tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2 nhưng Công ty chỉ sử dụng một tài khoản cấp 2 của tài khoản này là: TK 1111 – Tiền Việt Nam tại quỹ.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu;
- Phiếu chi;
- Hóa đơn GTGT
- Giấy nộp tiền;
- Giấy đề nghị tạm ứng;
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng;
- Biên lai thu tiền;
- Sổ quỹ tiền mặt;
- Sổ chi tiết quỹ tiền mặt;
- Nhật ký chứng từ số 01;
- Bảng kê số 01;
- Sổ cái TK 111
- Các chứng từ và sổ sách có liên quan khác;

Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 13: Quy trình hạch toán tiền mặt tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật

Liệu Điện Hải Phòng.

- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng
 - ←————> Kiểm tra, đối chiếu

- Căn cứ vào các chứng từ thu chi hàng ngày Thủ quỹ vào Sổ quỹ tiền mặt đồng thời kế toán theo dõi thu chi vào Sổ chi tiết tài khoản tiền mặt. Đến cuối tháng Thủ quỹ và Kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư.

- Sau khi vào Sổ kế toán chi tiết Kế toán cộng phát sinh hàng ngày và cuối tháng vào Bảng kê số 01 theo hàng ngang và tài khoản theo hàng dọc tương ứng. Tương tự như vậy cho Nhật ký chứng từ số 01.

- Sau khi vào Bảng kê 01 và Nhật ký chứng từ số 01 Kế toán tiến hành vào Sổ cái TK 111.

- Căn cứ vào Sổ cái, Kế toán vào Bảng cân đối phát sinh rồi tiến hành lên Báo cáo tài chính.

2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

a) *Kế toán nghiệp vụ thu tiền mặt tại quỹ của công ty Cổ phần Hóa chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.*

Các nguồn thu chủ yếu của công ty:

- Thu từ việc bán hàng hóa và kinh doanh dịch vụ;
- Thu tạm ứng;
- Thu từ các nguồn khác...;

Ví dụ: Ngày 30/12/2011 Công ty TNHH Hồng Ngọc trả nợ tiền mua xút thùng cho Công ty theo hóa đơn số 0000670 mua từ ngày 15/11/2011.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT bán hàng kế toán lập Phiếu thu.
- Từ hóa đơn GTGT và Phiếu thu Kế toán vào Sổ quỹ, Sổ chi tiết tiền mặt.
- Từ các phiếu thu, Sổ quỹ và Sổ chi tiết kế toán vào Bảng kê số 01
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT 01, ghi sổ cái TK 111
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ NKCT và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

Đơn vị: Công ty CP Hóa Chất VLĐ Hải Phòng
Địa chỉ: 20 – Lê Quýnh – Máy Tơ – NQ - HP

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Quyển số:73
Số:084
Nợ:111
Có:131

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH Hồng Ngọc

Địa chỉ: Lê Lai – Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 51.996.000đ (Viết bằng chữ: Năm mươi một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu: 01 Phiếu thu

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu (Serial): AA/11P
Số (Number): 0000670

Liên 3: Nội bộ

Ngày 15 tháng 11 năm 2011

Đơn vị bán hàng (Sales company): Công ty CP Hóa Chất VLĐ Hải Phòng

Mã số thuế (Tax code):02 00580936

Địa chỉ (Address): 20 – Lê Quýnh – Máy Tơ – NQ - HP

Điện thoại (Tel)

Fax:

Số tài khoản (Account code):

Tại (at)

Họ tên người mua hàng (Customer's name): Nguyễn Thị An

Tên đơn vị (Organization): Cty TNHH Hồng Ngọc

Mã số thuế (Tax code): 03 00479760

Địa chỉ (Address): Lê Lai – Hải Phòng

Hình thức thanh toán (kind of payment):

TM

Số tài khoản (Account code):

STT (ITEM)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (DESCRIPTION)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTINY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xút thùng	Thùng	50	945.382	47.269.091
<i>Cộng tiền hàng (total):</i>					<i>47.269.091</i>
<i>Thuế suất GTGT (VAT rate) 10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT (VAT amount):</i>		
			<i>4.726.909</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):</i>					
<i>51.996.000,</i>					
<i>Số tiền viết bằng chữ (In word):</i> (Năm mươi một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn)					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 02 Hóa đơn giá trị gia tăng

Kế toán nghiệp vụ chi tiền mặt tại quỹ của công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Các nguồn chi chủ yếu của công ty:

- Chi tạm ứng;
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ;
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên;
- Chi tiền thanh toán nợ khách hàng và Ngân hàng;
- Chi các khoản nộp ngân sách Nhà nước;
- Các khoản chi khác...;

Ví dụ 02: Ngày 29/12/2011 Lâm Thị Tâm đề nghị thanh toán tiền mua mực in theo hóa đơn GTGT số 0000124. Tổng số tiền thanh toán là 798.000 thuế suất thuế GTGT là 5%.

- Căn cứ hóa đơn GTGT và giấy đề nghị thanh toán Kế toán lập Phiếu chi.
- Từ hóa đơn GTGT và Phiếu chi, Kế toán vào Sổ chi tiết tiền mặt, Sổ quỹ.
- Từ các Phiếu chi, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào NKCT số 01.
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT số 01, Kế toán ghi Sổ cái TK 111.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ NKCT và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

Ví dụ 03: Ngày 30/12/2011, anh Bùi Doãn Viên đề nghị tạm ứng tiền sửa chữa xe ô tô Ford của công ty với số tiền 10.255.000, đồng.

- Căn cứ giấy tạm ứng (Đã được sự đồng ý của Tổng giám đốc và kế toán trưởng), Kế toán lập Phiếu chi.
- Từ Phiếu chi, Kế toán vào Sổ chi tiết tiền mặt, Sổ quỹ.
- Từ các Phiếu chi, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào NKCT 01.
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT 01 và Sổ cái TK 111.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ NKCT 01 và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu (Serial): AA/11P
Số (Number): 0000124

*Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 29 tháng 12 năm 2011*

Đơn vị bán hàng (Sales company): Công ty TNHH Tân Đức
Mã số thuế (Tax code): 02 00156568
Địa chỉ (Address): Lê Chân – Hải Phòng
Điện thoại (Tel) Fax:
Số tài khoản (Account code): Tại (at)

Họ tên người mua hàng (Customer's name): Trần thị Nhạn
Tên đơn vị (Organization): Công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng
Mã số thuế (Tax code): 02 00580936
Địa chỉ (Address): Số 20 – Lê Quỳnh – Máy Tơ – Ngô Quyền – Hải Phòng
Hình thức thanh toán (kind of payment): Tiền mặt Số tài khoản (Account code):

STT (ITEM)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (DESCRIPTION)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTINY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Mực in	Lọ	01	760.000	760.000
<i>Cộng tiền hàng (total):760.000</i>					
<i>Thuế suất GTGT (VAT rate):5%</i>			<i>Tiền thuế GTGT (VAT amount):38.000</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):798.000</i>					
<i>Số tiền viết bằng chữ (In word): Bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 03 Hóa đơn giá trị gia tăng

Đơn vị: Công ty CP Hóa Chất VLD Hải Phòng
Địa chỉ: 20 – Lê Quýnh – Máy Tơ – NQ - HP

Mẫu số 05 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 29 Tháng 12 Năm 2011

Kính gửi: Công ty CP Hóa Chất VLD Hải Phòng
Họ tên người đề nghị thanh toán: Lâm Thị Tâm
Bộ phận (hoặc địa chỉ): 21 – Hạ Lý – Lê Chân – Hải Phòng
Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua mực in
Số tiền: 798.000 (Viết bằng chữ): Bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn.
(Kèm theo 01 chứng từ gốc).

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người duyệt
(Ký, họ tên)

Biểu... Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: Công ty CP Hóa Chất VLD Hải Phòng
Địa chỉ: 20 – Lê Quýnh – Máy Tơ – NQ - HP

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2011

Quyển số:84
Số:152
Nợ:642
Có:111

Họ tên người nhận tiền: Lâm Thị Tâm
Địa chỉ: 21 – Hạ Lý – Lê Chân – Hải Phòng
Lý do chi: Thanh toán tiền mua mực in
Số tiền: 798.000 (Bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn)
Kèm theo 01 chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Biểu: 04 Phiếu chi

Đơn vị: Công ty CP Hóa Chất VLĐ Hải Phòng
Địa chỉ: 20 – Lê Quỳnh – Máy Tơ – NQ - HP

Mẫu số 03 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 30 tháng 12 Năm 2011

Kính gửi: Giám đốc công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.
Tên tôi là: **Bùi Doãn Viên**
Bộ phận (hoặc địa chỉ): **Lái xe Công ty**
Đề nghị tạm ứng số tiền: **10.255.000đ** (Viết bằng chữ: **Mười triệu hai trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn**)
Lý do tạm ứng: **Sửa chữa xe Ôtô Ford.**
Thời hạn thanh toán: **06/01/2012.**

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)

Biểu 05 Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: Công ty CP Hóa Chất VLĐ Hải Phòng
Địa chỉ: 20 – Lê Quỳnh – Máy Tơ – NQ - HP

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Quyển số:84
Số:160
Nợ:642
Có:111

Họ tên người nhận tiền: **Bùi Doãn Viên**
Địa chỉ: **Lái xe Công ty**
Lý do chi: **Tạm ứng**
Số tiền: **10.255.000đ**
Kèm theo **01** chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): **Mười triệu hai trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn**

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Biểu 06: Phiếu chi

2.1.2 Kế toán tổng hợp tiền mặt.

Từ chứng từ sổ sách đã có, cuối tháng hoặc cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ TK 111 đưa vào Bảng cân đối tài khoản và Báo cáo kế toán. Kế toán tổng hợp tiền mặt tháng 12/2011 tại Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ)

<p>112</p> <hr/> <p style="text-align: right;">560,050,000</p> <hr/> <p>131</p> <hr/> <p style="text-align: right;">652,103,456</p> <hr/> <p>311</p> <hr/> <p style="text-align: right;">362,012,548</p> <hr/> <p>141</p> <hr/> <p style="text-align: right;">150,068,066</p> <hr/> <p>138</p> <hr/> <p style="text-align: right;">63,201,225</p> <hr/> <p>...</p> <hr/> <p style="text-align: right;">.....</p> <hr/> <p style="text-align: right;">2,266,758,455</p> <hr/> <p style="text-align: right;"><u>406,761,099</u></p>	<p>111</p> <hr/> <p style="text-align: right;"><u>442,344,875</u></p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 380,349,153</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 63,900,661</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 1,250,251,897</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 9,925,834</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 5,727,245</p> <hr/> <p style="text-align: left;">←</p> <hr/> <p style="text-align: right;">2,302,342,231</p> <hr/>	<p>112</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 380,349,153</p> <hr/> <p>141</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 63,900,661</p> <hr/> <p>331</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 1,250,251,897</p> <hr/> <p>641</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 9,925,834</p> <hr/> <p>642</p> <hr/> <p style="text-align: left;">← 5,727,245</p> <hr/> <p>...</p> <hr/> <p style="text-align: left;">←</p> <hr/>
---	--	--

Sơ đồ 14: Kế toán tổng hợp tiền mặt tại Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Cùng với tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng cũng đóng một vai trò rất quan trọng và diễn ra thường xuyên tại công ty, thể hiện tính đa dạng hóa về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK112 “ Tiền gửi Ngân hàng”. TK 112 có 3 tài khoản cấp 2 nhưng công ty chỉ sử dụng hai TK cấp 2:

+ TK 1121 Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng đồng Việt Nam.

- TK112NT – Tiền Việt Nam gửi tại Ngân hàng ngoại thương chi nhánh Hải Phòng.
- TK112ĐT – Tiền Việt Nam gửi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Hải Phòng.
- TK112EX – Tiền Việt Nam gửi tại Ngân hàng Exim Bank chi nhánh Hải Phòng.

+ TK1122 Tiền gửi Ngân hàng ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- TK1122NT – Tiền ngoại tệ gửi Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Hải Phòng.
- TK1122ĐT – Tiền ngoại tệ gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Hải Phòng.
- TK1122 EX – Tiền ngoại tệ gửi Ngân hàng Exim Bank chi nhánh Hải Phòng.

Các sổ sách và chứng từ:

Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng sử dụng hệ thống chứng từ và sổ sách trong kế toán tiền gửi Ngân hàng.

- Giấy nộp tiền
- Giấy báo nợ
- Giấy báo có

- Sổ phụ Ngân hàng
- Sổ tiền gửi Ngân hàng
- Ủy nhiệm chi
- Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng
- Nhật ký chứng từ số 02
- Bảng kê số 02
- Sổ cái TK 112
- Các sổ kế toán tổng hợp liên quan.

Trình tự ghi sổ kế toán:

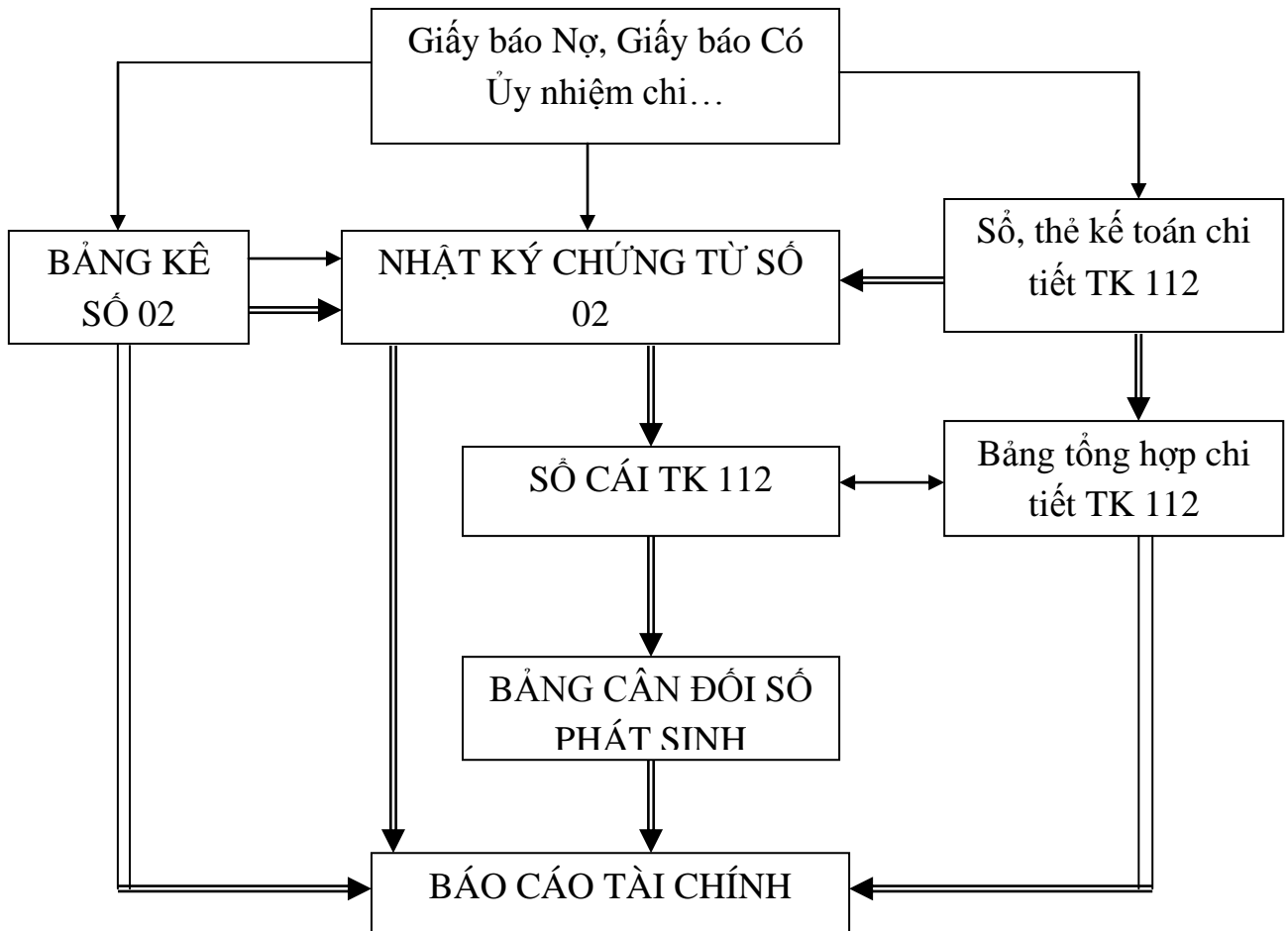
- Căn cứ các chứng từ thu chi, tiền gửi Ngân hàng, hàng ngày kế toán vào sổ tiền gửi Ngân hàng đồng thời vào sổ chi tiết tài khoản tiền gửi Ngân hàng. Đến cuối tháng kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư với Sổ phụ Ngân hàng.

- Sau khi lên sổ chi tiết kế toán cộng phát sinh hàng ngày và cuối tháng vào bảng kê số 02 từng ngày theo hàng ngang và tài khoản theo hàng dọc tương ứng. Tương tự như vậy cho Nhật ký chứng từ số 02.

- Sau khi vào xong Bảng kê số 02 và Nhật ký chứng từ số 02, kế toán tổng hợp đối chiếu tài khoản Nợ, Có sau đó lấy dòng cộng phát sinh Nợ và phát sinh Có vào Sổ cái TK 112.

- Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ Sổ cái vào Bảng cân đối phát sinh rồi vào Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ:



Sơ đồ 15: Quy trình hạch toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng
 <-----> Kiểm tra, đối chiếu

2.2.1 Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng tại công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

a. Đối với tiền gửi Ngân hàng là Đồng Việt Nam.

Căn cứ để ghi nhận các nghiệp vụ liên quan tới tiền gửi Ngân hàng của Công ty là các Giấy báo có, Giấy báo nợ hoặc các Bảng sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, Séc chuyển

khoản... Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi tới, Kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với Ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự như nghiệp vụ với hoạt động tiền mặt.

Ví dụ 01: Ngày 28/12/2011 Xí nghiệp Ngọc Quyền trả nợ tiền hàng mua theo hóa đơn số 0000680 ngày 18/11/2011 bằng chuyển khoản.

- Căn cứ vào hóa đơn 0000680, Giấy báo có, Sổ phụ Ngân hàng kế toán vào Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng TK1121.

- Căn cứ Giấy báo có, Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng TK1121 kế toán vào Bảng kê số 02.

- Cuối tháng từ số liệu ở Bảng kê số 02, kế toán vào Sổ cái TK 112.

- Cuối quý tổng hợp số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

Ví dụ 02: Ngày 30/12/2011 trả tiền giấy để công ty CP Tân Việt Hưng đã mua ngày 30/11/2011 theo hóa đơn GTGT số 0000326 Tổng số tiền thanh toán là: 345,397,350 VAT 10%.

- Căn cứ hóa đơn GTGT số 000326, Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ kế toán vào Sổ chi tiết TK 1121

- Căn cứ Giấy báo nợ, Sổ chi tiết kế toán vào NKCT 02

- Từ NKCT 02 kế toán vào Sổ cái TK 112

- Cuối quý tổng hợp số liệu vào Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu (Serial): AA/11P
Số (Number): 0000680

Liên 3: Nội bộ

Ngày 18 tháng 11 năm 2011

Đơn vị bán hàng (Sales company): Công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng
Mã số thuế (Tax code): 02 00580936
Địa chỉ (Address): 20 – Lê Quýnh – NQ - HP
Điện thoại (Tel) Fax:
Số tài khoản (Account code): Tại (at)

Họ tên người mua hàng (Customer's name): Nguyễn văn Nam
Tên đơn vị (Organization): Xí nghiệp Ngọc Quyển
Mã số thuế (Tax code): 02 00425862
Địa chỉ (Address): An Dương – Hải Phòng
Hình thức thanh toán (kind of payment): CK Số tài khoản (Account code):

STT (ITEM)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (DESCRIPTION)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTINY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
A	B	C	D	E	F
1	Hạt nhựa PP	Kg	852	121.637	103,635,000
<i>Cộng tiền hàng (total):</i>					<i>103,635,000</i>
<i>Thuế suất GTGT (VAT rate):</i> 10%			<i>Tiền thuế GTGT (VAT amount):</i>		<i>13,363,500</i>
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):</i>					<i>113,998,500</i>
<i>Số tiền viết bằng chữ (In word): Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 12: Hóa đơn giá trị gia tăng

NH NGOẠI THƯƠNG VN HẢI PHÒNG	IBT – ONLINE
GIẤY BÁO CÓ	
Ngày 28/12/2011	
Trụ sở chính:	TK ghi có: 00310000004162
Người trả tiền: XÍ NGHIỆP NGỌC QUYÊN	
Số tài khoản: 120101003	
Địa chỉ: NHNT HẢI PHÒNG	
Đơn vị thụ hưởng: CTCP HÓA CHẤT VLĐ HẢI PHÒNG (HAIPHONG CHEMICAL A)	
Số TK: 00310000004162	Tại VCB HAI PHONG
Số CMTND:	
Địa chỉ:	
Số tiền: <u>VNĐ 113,998,500.0</u> <i>(Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng chẵn)</i>	
ND: Sender: 31201003. DD:271009. SHGD: 10000122. BO: XI NGHIEP NGOC QUYEN TRA TIEN MUA VAT TU.	

Biểu 13: Giấy báo có

NH NGOẠI THƯƠNG VN
HẢI PHÒNG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG
(Ngày 10 tháng 12 năm 2011)

Tài khoản: 00310000004162 Loại tiền: VNĐ
 Số tài khoản: Tiền gửi thanh toán Số ID khách hàng:
 Khách hàng: CTCP HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày:				52,023,256.0
10/12/2011	XN Ngọc Quyên tt tiền hàng	000285250		113,998,500.0
Số dư cuối ngày:				<i>166,021,756.0</i>
Doanh số ngày:			<i>0</i>	<i>113,998,500.0</i>
Tích lũy tháng:			<i>1,026,325,185.0</i>	<i>1,325,352,102.0</i>
Tích lũy năm:			<i>10,351,585,854.0</i>	<i>11,025,656,157.0</i>

Kế toán NH <i>(Ký, họ tên)</i>	Kiểm soát viên <i>(Ký, họ tên)</i>
-----------------------------------	---------------------------------------

Biểu 14: Sổ phụ khách hàng

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 11 tháng 12 năm 2011*

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu (Serial): AA/11P
Số (Number): 0000326

Đơn vị bán hàng (Sales company): Công ty CP Tân Việt Hưng
Mã số thuế (Tax code): 57 00453004
Địa chỉ (Address): Vạn Yên – Việt Hưng – Hạ Long
Điện thoại (Tel) Fax:
Số tài khoản (Account code): Tại (at)

Họ tên người mua hàng (Customer’s name): Trần Thị Nhạn
Tên đơn vị (Organization): Cty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng
Mã số thuế (Tax code): 02 00580936
Địa chỉ (Address): 20 – Lê Quýnh – NQ - HP
Hình thức thanh toán (kind of payment): CK Số tài khoản (Account code):

STT (ITEM)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (DESCRIPTION)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTINY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
A	B	C	D	E	F
1	Giấy đế cuộn	Kg	54,825	6,000	328,949,857
<i>Cộng tiền hàng (total):</i>					328,949.857
<i>Thuế suất GTGT (VAT rate):</i> 5%			<i>Tiền thuế GTGT (VAT amount):</i> 16,447,493		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):</i>					345,397,350
<i>Số tiền viết bằng chữ (In word) (Ba trăm bốn mươi năm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng chẵn)</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 15: Hóa đơn giá trị gia tăng

ỦY NIỆM CHI	SỐ: 044	PHẦN DO NH GHI
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, LẬP NGÀY: 30/12/2011		NỢ:
Đơn vị trả tiền: Công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng		Số hiệu NHA...
Số TK: 00310000004162		CÓ:
Tại Ngân hàng: Ngoại thương thành phố Hải Phòng.		Số hiệu NHB...
		Loại nghiệp vụ...
Đơn vị nhận tiền: Công ty CP Tân Việt Hưng		Ký hiệu thống kê
Số tài khoản: 32110000004458		
Tại Ngân hàng: Đầu tư và phát triển, tỉnh Quảng Ninh		
Nội dung thanh toán: Trả tiền mua giấy để.		Số tiền: 345,397,350
		(Bằng số)
Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi năm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng chẵn./		

Đơn vị trả tiền	NH A Ghi sổ ngày...	NH B Ghi sổ ngày...
Kế toán Chủ tài khoản	Kiểm soát Trg Ngân hàng	Kiểm soát Trg Ngân hàng

Biểu:16 Ủy nhiệm chi

NH NGOẠI THƯƠNG VN	Mã GDV:
HẢI PHÒNG	Mã KH:
GIẤY BÁO NỢ	
Ngày 30/12/2011	
Kính gửi: Công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng	
Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi nợ:	00310000004162
Số tiền bằng số:	345,397,350
Số tiền bằng chữ:	Ba trăm bốn mươi năm triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng.
Nội dung: Thanh toán tiền theo hóa đơn 0000326	
Giao dịch viên (Ký, họ tên)	Kiểm soát (Ký, họ tên)

Biểu 17: Giấy báo nợ

b. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ.

Ví dụ 01: Ngày 26/12/2011 Kế toán tiền gửi Ngân hàng lập Ủy nhiệm chi thanh toán tiền theo hóa đơn GTGT 0000154

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000154, Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ và Sổ phụ khách hàng kế toán vào sổ chi tiết TK 112.
- Căn cứ Giấy báo nợ, Sổ chi tiết kế toán vào NKCT số 02.
- Số liệu từ NKCT số 02 kế toán vào Sổ cái TK 112.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ Bảng kê 02 và Sổ cái TK 112 lập Bảng cân đối phát sinh và Báo cáo tài chính.

Ví dụ 02: Ngày 31/12/2011 Công ty nhận Giấy báo có về lãi tiền gửi Ngân hàng gốc ngoại tệ tại Ngân hàng BIDV.

- Căn cứ Giấy báo có , kế toán vào sổ chi tiết TK112-DT.
- Căn cứ Giấy báo có, Sổ chi tiết kế toán vào Bảng kê 02.
- Cuối tháng lấy số liệu từ Bảng kê 02 kế toán vào Sổ cái TK 112.
- Cuối quý tổng hợp số liệu vào Bảng cân đối phát sinh và Báo cáo kế toán.

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA
TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu (Serial): AA/11P
Số (Number): 0000154

*Liên2: Giao khách
hàng*

*Ngày 26 tháng 12
năm 2011*

Đơn vị bán hàng (Sales company): Công ty TNHH Máy tính Hoàng Cường

Mã số thuế (Tax code): 02 00403126

Địa chỉ (Adress): Số 75 – Lương Khánh Thiện – NQ - HP

Điện thoại (Tel)

Fax:

Số tài khoản (Account code):

Tại (at)

Họ tên người mua hàng (Customer's name): Đoàn Văn Thạch

Tên đơn vị (Organization): Cty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

Mã số thuế (Tax code): 02 00580936

Địa chỉ (Adress): 20 – Lê Quýnh – NQ - HP

Hình thức thanh toán (kind of payment):

CK

Số tài khoản (Account code):

STT (ITEM)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (DESCRIPTION)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTINY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
A	B	C	D	E	F
1	Máy tính để bàn	Bộ	01	458,1 USD	458,1 USD
<i>Cộng tiền hàng (total):</i>					458,1 USD
<i>Thuế suất GTGT (VAT rate):</i> 10%		<i>Tiền thuế GTGT (VAT amount):</i>			45,81 USD
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):</i>					503,91 USD
<i>Số tiền viết bằng chữ (In word) (Năm trăm linh ba đôla chín mươi một cent./)</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 18: Hóa đơn giá trị gia tăng

SỐ: 056

PHẦN DO NH GHI

ỦY NIỆM CHI

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, LẬP NGÀY: 30/12/2011

Đơn vị trả tiền: Công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

Số TK: 003122007805

Tại Ngân hàng: Đầu tư và phát triển Thành phố Hải Phòng.

NỢ:
Số hiệu NHA...
CÓ:
Số hiệu NHB...
Loại nghiệp vụ...
Ký hiệu thống kê

Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Máy tính Hoàng Cường

Số tài khoản: 230002302504

Tại Ngân hàng: Đầu tư và phát triển, Thành phố Hải Phòng.

Nội dung thanh toán: Trả tiền mua máy vi tính

Số tiền: 503,91 (USD)

Số tiền bằng chữ: (Năm trăm linh ba đôla chín mươi một cent)

Đơn vị trả tiền

NH A Ghi sổ ngày...

NH B Ghi sổ ngày...

Kế toán Chủ tài khoản

Kiểm soát

Trg Ngân hàng

Kiểm soát

Trg Ngân hàng

Biểu:19 Ủy nhiệm chi

NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG	Mã GDV: Mã KH:
GIẤY BÁO NỢ Ngày 30/12/2011	
Kính gửi: Công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng	
Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi nợ:	003122007805
Số tiền bằng số:	503,91 USD
Số tiền bằng chữ:	(Năm trăm linh ba đôla chín mươi một cent)
Nội dung: Thanh toán tiền theo hóa đơn 0000154	
Giao dịch viên (Ký, họ tên)	Kiểm soát (Ký, họ tên)

Biểu 20: Giấy báo nợ

NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN

HẢI PHÒNG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 26 tháng 12 năm 2011)

Tài khoản: 003122007805

Loại tiền: USD

Số tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng:

Khách hàng: CTCP HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày:				1,025
26/12/2011	Trả tiền mua máy vi tính	0001352058	503,91	
Số dư cuối ngày:				566.99
Doanh số ngày:			503,91	
Tích lũy tháng:			70,235	68,025
Tích lũy năm:			424,362	352,621

Kế toán NH (Ký, họ tên)	Kiểm soát viên (Ký, họ tên)
-----------------------------------	---------------------------------------

Biểu 21: Sổ phụ khách hàng

NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG	IBT – ONLINE
GIẤY BÁO CÓ Ngày 31/12/2011	
Trụ sở chính:	TK ghi có: 003122007805
Người trả tiền: NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN	
Số tài khoản:	
Địa chỉ: NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG	
Đơn vị thụ hưởng: CTCP HÓA CHẤT VLĐ HẢI PHÒNG (HAIPHONG CHEMICAL A)	
Số TK: 003122007805	Tại BIDV HAI PHONG
Số CMTND:	
Địa chỉ:	
Số tiền: 2 USD (Hai đôla Mỹ)	
ND: LÃI TIỀN GỬI GỐC NGOẠI TỆ	

Biểu 22: Giấy báo có

2.2.2 Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng tại công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng tháng 12/2011 tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 16)

+ Với Tiền gửi Ngân hàng là VNĐ:

111	112(1121)	111
1,970,416,821		
102,380,620	240,352,525	
131		331
1,253,683,481	2,365,352,981	
511		156
3,863,548,610	1,035,681,102	
3331		1331
386,354,861	103,568,110	
.....		338
.....	
4,335,395,055	3,025,682,618	
<u>3,297,953,261</u>		

Sơ đồ 16: Kế toán tổng hợp TGNH (VNĐ) tháng 12/2011 tại Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

+ Với Tiền gửi Ngân hàng là Ngoại tệ:

111	112(1122)	111
277,968,533	<u>1,195,430,959</u>	240,352,525
511		156
1,858,113,401		1,574,573,596
3331		1331
185,811,340		157,457,359
515		635
60,332,179		38,348,789
Ghi Nợ TK007: 45,955.26 (USD)		
.....	
413		(Ghi Có TK007: 60,984.11 (USD))
19,024,862		
789,302,825	1,137,475,628	
<u>847,258,156</u>		

Sơ đồ 17: Kế toán tổng hợp TGNH (Ngoại tệ) tháng 12/2011 tại Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng

2.3 Kế toán tiền đang chuyển tại Công ty Cổ phần Hoá Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG.

1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập tới nay, Công ty đã trải qua rất nhiều những khó khăn thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm tồn tại đó Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên đã cùng nhau từng bước tháo gỡ những khó khăn thử thách để dần khẳng định vị thế của Công ty. Kết quả đó không đơn thuần sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, trình độ làm việc của Công ty. Điều đó đã đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

+ Mô hình quản lý sản xuất kinh doanh: Công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng đã năng động xây dựng mô hình quản lý khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Bộ máy quản lý hoạt động có hiệu quả giúp cho Ban lãnh đạo công ty quản lý sản xuất kinh doanh dễ dàng hơn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Công ty đã ký kết được nhiều các Hợp đồng kinh tế với đối tác, tạo được lòng tin với khách hàng. Điều đó chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Công ty thường xuyên chú trọng đến công tác quản lý nhân sự, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân viên bằng cách cho họ theo học các lớp nghiệp vụ. Đặc biệt với đội ngũ nhân viên văn phòng, Công ty đã khuyến khích và tạo điều kiện cho họ đi học các lớp Đại học tại chức và Cao học. Bên cạnh đó công ty còn có những biện pháp khen thưởng, kỷ luật và động viên kịp thời tới cán bộ công nhân viên trong Công ty nhằm tạo kỷ cương lao động trong Công ty.

+ Về công tác kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ. Đây là sự lựa chọn phù hợp với loại hình hoạt động cũng như quy mô của Công ty. Hình thức kế toán này hạn chế được số lượng sổ sách kế toán công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác. Đặc biệt công tác kế toán còn có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nên giảm nhẹ khối lượng công việc mà vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty.

+ Bộ máy kế toán: Công ty tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời về chế độ kế toán hiện hành và vận dụng nó một cách linh hoạt, khoa học. Giữa các cán bộ kế toán có tinh thần tương trợ lẫn nhau trong công việc để công việc đem lại hiệu quả cao.

2. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền.

2.1 Ưu điểm:

Sau thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng dựa vào những hiểu biết, nhận thức của bản thân. Em nhận thấy công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay, cụ thể:

+ Bộ máy kế toán:

Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty đã được quan tâm chú trọng ở mức độ nhất định với các biện pháp quản lý kinh tế nói chung. Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung và phân tán đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt Công ty có đội ngũ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tiếp cận kịp thời và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo chế độ kế toán hiện hành, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

+ Hình thức kế toán:

Với hệ thống kế toán ban hành Công ty vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt, hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ được áp dụng trong công tác kế toán hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:

Các thủ tục chứng từ liên quan đến hạch toán Vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi Vốn bằng tiền, kế toán Vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra. Tổ chức hệ thống BCTC và Báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo Công ty nắm bắt tình hình nhanh chóng.

+ Về sổ sách kế toán:

Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của Tiền mặt (TK 111), Tiền gửi Ngân hàng (TK112) như: Sổ quỹ tiền mặt; Sổ tiền gửi Ngân hàng; Sổ cái TK111, 112. Điều đó được thể hiện trong công việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

+ Trong hạch toán kế toán:

Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

- Hạch toán tiền mặt: Việc lập Sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các Phiếu thu, Phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu với Sổ quỹ được nhanh chóng, thuận tiện dễ dàng, chính xác. Giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

- Hạch toán tiền gửi Ngân hàng: Việc lập Sổ tiền gửi Ngân hàng căn cứ

vào Giấy báo Nợ, Giấy báo Có cũng giúp cho kế toán theo dõi, quản lý lượng tiền gửi được tốt hơn.

+ Cập nhật thông tin:

Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và công tác hạch toán Vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phần hành kế toán Công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

+ Đào tạo nhân lực:

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và với phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết, đáp ứng kịp thời thay đổi của những chế độ kế toán hiện hành.

2.2 Hạn Chế.

Bên cạnh những ưu điểm trên, do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện, cụ thể:

1) **Không sử dụng Bảng kê chi tiền:** Công ty không sử dụng Bảng kê chi tiền nên không liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm quyết toán các khoản đã chi. Gây khó khăn cho việc quản lý, đối chiếu kiểm tra số liệu.

2) **Không hạch toán tiền đang chuyển:** Công ty không hạch toán tiền đang chuyển đã không phản ánh được đúng trách nhiệm quản lý vốn. Vì phạm vi hoạt động của Công ty khá rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng Công ty chưa nhận được thông báo về khoản được thụ hưởng đó từ Ngân hàng (Giấy báo Có, Bản sao kê của Ngân hàng) nhưng hiện nay Công ty lại không sử dụng TK113 – Tiền đang chuyển để theo dõi những khoản đó.

3) **Không sử dụng được triệt để sự thuận tiện trong việc thanh toán thông qua ngân hàng:** Trong việc thanh toán của Công ty có nhiều khoản tiền thanh toán lớn vẫn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng đến vấn đề an toàn về

tiền quỹ của Công ty, số lượng công việc nhiều hơn, Mặt khác, để một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho công tác thanh toán quá nhiều sẽ không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

4) **Không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ:** Công ty không tiến hành kiểm kê quỹ do đó không xác định được số chênh lệch quỹ (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ. Để từ đó tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

5) **Chưa ứng dụng tin học vào công tác kế toán:** Hiện nay Công ty chưa có phần mềm kế toán riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của công nghệ thông tin trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán trong Công ty.

3. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện:

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp cần phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng nói riêng và cá doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ lệ lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng Vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2 Mục đích và yêu cầu hoàn thiện.

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công

tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán Vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

Với tư cách là một sinh viên thực tập được sự hướng dẫn của các thầy cô và sự chỉ bảo nhiệt tình của các cô chú trong công ty nhất là các cô chú trong phòng Kế toán. Em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến của mình nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty.

3.3 Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Kiến nghị 1: Hoàn thiện về chứng từ.

Hoàn thiện bảng kê chi tiền: Kế toán Vốn bằng tiền nên mở Bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Bảng kê chi tiền được mở theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số: 09 – TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày.....tháng.....năm.....

Họ và tên người chi:.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Chi cho công việc:.....

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền chi
	Số hiệu	Ngày tháng		
A	B	C	D	E
Cộng				

Số tiền viết bằng chữ:.....

(Kèm theo.....chứng từ gốc)

Người lập bảng

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người duyệt

(ký, họ tên)

Biểu 29: Bảng kê chi tiền

Kiến nghị 02: Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển.

Hiện nay Công ty không sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình đang xử lý như chuyển tiền đang gửi vào Ngân hàng hoặc kho bạc nhà nước, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện nhưng chưa nhận được thông báo của khách hàng về khoản đã chuyển trả đó, làm thủ tục chuyển tiền tại Ngân hàng để thanh toán nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hoặc Giấy báo Có từ Ngân hàng. Thường thì doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn tất rồi mới hạch toán vì tiền chuyển qua Ngân hàng chỉ phải chờ một vài ngày thì đơn vị được thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ bị ảnh hưởng khi nghiệp vụ đó rơi vào cuối kì kế toán hàng tháng hoặc hàng năm. Trường hợp cuối tháng lên BCTC mà có phát sinh tiền khách hàng đang chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu trường hợp này không sử dụng TK 113 thì số dư công nợ cuối năm trên BCTC không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận công nợ với khách hàng khi có kiểm toán vì vậy công ty nên sử dụng TK 113 để hạch toán nhằm đảm bảo tính chính xác và cập nhật về tiền.

Kiến nghị 03: Về hình thức thanh toán.

Xu thế chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Bởi hiện nay hệ thống Ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các Ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các Ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với nhiều dịch vụ và tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các Ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận lợi. Hơn nữa thanh toán qua ngân hàng đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán.

Kiến nghị 04: Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt.

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất theo yêu cầu quản lý hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa lượng tiền tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán

chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a – TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà.....

Ông/Bà.....

Ông/Bà.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	C	D
I	Số dư theo Sổ quỹ	X
II	Số kiểm kê thực tế	X
1	Trong đó:		
2	Loại		
3	Loại		
4	Loại		
5		
III	Chênh lệch (III = I – II)	X	

Lý do: Thừa:.....

Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chỉ trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 30: Bảng kiểm kê quỹ.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê, trong đó Thủ quỹ và Kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ tất cả các Phiếu thu, Phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo cho giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ Ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

- Một bản do thủ quỹ lưu
- Một bản do Kế toán tiền mặt hoặc Kế toán thanh toán lưu.

Kiến nghị 05: Hoàn thiện về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán.

Công ty nên áp dụng kế toán trên máy bằng việc sử dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán nói chung và kế toán Vốn bằng tiền nói riêng.

Hiện nay, kế toán thủ công chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và yêu cầu hạch toán. Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm được nguồn nhân lực, giảm áp lực cho công việc kế toán, giảm thiểu được những nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra. Một kế toán có thể đảm nhiệm được nhiều phần hành kế toán hơn, đáp ứng một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời thông tin kế toán khi có nhu cầu.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán do đó công ty có thể lựa chọn chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại Công ty đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel, song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối ưu nhất vì vậy Công ty nên mua phần mềm kế toán riêng áp dụng cho hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ. Phần mềm kế toán được thiết kế cho hình thức sổ kế toán nào sẽ có các loại sổ sách của hình thức kế toán đó.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay công tác kế toán Vốn bằng tiền là một trong những biện pháp tất yếu không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Thông qua số liệu do bộ phận kế toán tập hợp và cung cấp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp dễ dàng đưa ra được những quyết định kinh doanh hợp lý mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Qua quá trình rèn luyện ở nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng đã giúp em nhận thức sâu sắc hơn về công tác hạch toán kinh tế trong quản lý kinh doanh. Với thời gian thực tập không dài, nguồn nhân lực và kinh nghiệm thực tế bản thân còn hạn chế em xin phép được trình bày những hiểu biết hạn hẹp và một số ý kiến nhỏ của mình góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng.

Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến nhận xét của ban lãnh đạo công ty, cán bộ phòng kế toán cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh để giúp em nâng cao kiến thức và sự hiểu biết về chuyên môn ngày một vững vàng hơn.

Qua đây em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành của mình đến giáo viên hướng dẫn của em **ThS: Lê Thị Nam Phương** người đã chỉ bảo và giúp đỡ em rất nhiều trong việc hoàn thành bài khóa luận này. Em xin cảm ơn ban lãnh đạo cùng các cô chú trong phòng kế toán Công ty cổ phần Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong thời gian thực tập vừa qua.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Bùi Thị Duyên